

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG NAM ĐỊNH
TRƯỜNG TIỂU HỌC CHU VĂN AN**



BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN

**XÂY DỰNG HỆ THỐNG BÀI TẬP
NHẪM KHẮC PHỤC LỖI CHÍNH TẢ PHƯƠNG NGỮ
TRONG DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1**

Tác giả : Nguyễn Thị Kim Dung

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Sư phạm Giáo dục Tiểu học

Chức vụ : Giáo viên

Đơn vị công tác : Trường Tiểu học Chu Văn An

Phường Nam Định, ngày 17 tháng 4 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
A. THÔNG TIN CHUNG	1
B. PHẦN MỞ ĐẦU	2
C. PHẦN NỘI DUNG	5
I. MÔ TẢ GIẢI PHÁP ĐÃ BIẾT	5
II. NỘI DUNG CÁC GIẢI PHÁP MỚI; TÍNH MỚI; TÍNH SÁNG TẠO; HIỆU QUẢ ÁP DỤNG; KHẢ NĂNG NHÂN RỘNG CỦA SÁNG KIẾN	9
1. Nội dung các giải pháp mới	9
Giải pháp 1: <i>Tìm hiểu và nắm vững chương trình chính tả lớp</i>	9
Giải pháp 2: <i>Tìm hiểu và nắm vững đặc điểm tâm sinh lí của học sinh Tiểu học</i>	13
Giải pháp 3: <i>Nắm vững quan hệ giữa ngữ âm - chữ viết và các nguyên tắc chính tả chi phối việc dạy học chính tả ở tiểu học</i>	17
Giải pháp 4: <i>Nắm vững các nguyên tắc xây dựng hệ thống bài tập chính tả cho học sinh lớp 1</i>	29
Giải pháp 5: <i>Xây dựng hệ thống bài tập nhằm khắc phục lỗi chính tả phương ngữ trong dạy học môn tiếng việt lớp 1</i>	31
Giải pháp 6: <i>Sửa lỗi chính tả phương ngữ thông qua các phương tiện hiện đại và hình thức tổ chức dạy học phong phú.</i>	46
2. Tính mới, tính sáng tạo của các giải pháp mới	53
3. Khả năng nhân rộng của sáng kiến	57
4. Hiệu quả áp dụng, lợi ích thu được từ sáng kiến	62

D. PHẦN KẾT LUẬN	65
CAM KẾT KHÔNG SAO CHÉP, VI PHẠM BẢN QUYỀN	69
Tài liệu tham khảo	70

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên sáng kiến:

“ XÂY DỰNG HỆ THỐNG BÀI TẬP NHẪM KHẮC PHỤC LỖI CHÍNH TẢ PHƯƠNG NGỮ TRONG DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1”

2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Tiếng Việt (01)/TH

3. Thời gian áp dụng sáng kiến: Từ ngày 23/ 09/ 2025 đến ngày 10/ 04/ 2026

4. Tác giả:

Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Dung

Ngày tháng năm sinh: 1987

Chức vụ, đơn vị công tác: Giáo viên trường Tiểu học Chu Văn An, thành phố Nam Định.

Điện thoại: 0945747600

5. Tỷ lệ đóng góp tạo ra sáng kiến: 100 %

B. PHẦN MỞ ĐẦU

Trong hệ thống giáo dục quốc dân tại Việt Nam, Giáo dục Tiểu học là cấp học cơ bản và nền tảng nhằm hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài của nhân cách, phát triển toàn diện và hài hoà về đức, trí, thể, mỹ và các kỹ năng cơ bản để các em có thể học tập tiếp lên các bậc học cao hơn.

Lớp 1 là thời kì quan trọng đánh dấu giai đoạn chuyển tiếp hoạt động chủ đạo của học sinh từ vui chơi sang học tập để hình thành các kỹ năng cơ bản làm tiền đề cho các em tiếp tục phát triển. Trong đó, môn Tiếng Việt ở lớp 1 giữ vai trò hết sức quan trọng, là môn học cơ bản nhất, là cơ sở để các em tiếp thu các môn học khác, tiếp thu tri thức của nhân loại. Nó không chỉ là môn học công cụ mà còn là phương tiện để học sinh tiếp cận tri thức, giao tiếp, tư duy và học tập các môn học khác. Năng lực sử dụng tiếng Việt một cách chính xác, hiệu quả là tiền đề để học sinh phát triển toàn diện trong suốt quá trình học tập và đời sống.

Theo định hướng của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, môn Tiếng Việt ở tiểu học hướng tới việc hình thành và phát triển cho học sinh các phẩm chất chủ yếu, năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học thông qua bốn kỹ năng cơ bản: đọc, viết, nói và nghe. Trong đó, viết đúng, đọc đúng chính tả là yêu cầu nền tảng của năng lực viết, năng lực nghe nói góp phần quan trọng vào việc hình thành thói quen sử dụng ngôn ngữ chuẩn mực, rõ ràng và chính xác. Đối với học sinh lớp 1 – giai đoạn đầu tiên của quá trình học đọc, học viết – việc rèn luyện phát âm, chính tả càng có ý nghĩa đặc biệt, bởi đây là thời điểm các em bắt đầu thiết lập mối liên hệ giữa âm thanh ngôn ngữ và kí hiệu chữ viết, từ đó hình thành những biểu tượng ngôn ngữ bền vững.

Theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở cấp tiểu học, môn Tiếng Việt giúp góp phần hình thành, phát triển ở học sinh những phẩm chất và năng lực, rèn luyện kỹ năng đọc, viết, nói và nghe phục vụ nhu cầu học tập và giao tiếp trong đời sống. Trong đó, chính tả là một trong những nội dung dạy học vô cùng quan trọng trong việc học Tiếng Việt ở bậc Tiểu học, đặc biệt là ở lớp 2 – những giai đoạn đầu của quá trình hình thành và phát triển ngôn ngữ viết cho học sinh. Việc viết đúng chính tả không chỉ góp phần rèn luyện kỹ năng viết mà

còn là cơ sở để học sinh phát triển các năng lực ngôn ngữ khác như đọc, nói và nghe, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho việc học tập các môn học khác.

Tuy nhiên, trên thực tế, vấn đề chính tả luôn là một vấn đề phức tạp, rất nhiều học sinh lớp 1 mắc lỗi chính tả. Trong đó, một trong những nguyên nhân phổ biến dẫn đến lỗi chính tả là ảnh hưởng của phương ngữ – tức là sự khác biệt giữa tiếng địa phương và ngôn ngữ chuẩn trong phát âm. Ở các vùng miền như miền Trung, Nam Bộ hay một số tỉnh Bắc Bộ, học sinh có xu hướng viết sai các âm/chữ như l/n, ch/tr, s/x, d/gi/r, an/ang, ăt/ăc... Những sai lệch này không chỉ phản ánh đặc điểm ngôn ngữ vùng miền mà còn cho thấy sự tác động mạnh mẽ của môi trường giao tiếp gia đình và cộng đồng đến quá trình tiếp nhận ngôn ngữ chuẩn của học sinh. Nếu không được phát hiện và can thiệp từ sớm, các lỗi chính tả do phương ngữ rất dễ trở thành thói quen ngôn ngữ bền vững, gây ảnh hưởng tiêu cực đến năng lực viết, năng lực đọc hiểu và kết quả học tập lâu dài của học sinh.

Thực tiễn cho thấy, mặc dù giáo viên tiểu học nhận thức rõ tầm quan trọng của việc sửa lỗi chính tả cho học sinh, song việc tổ chức các hoạt động và bài tập nhằm khắc phục lỗi chính tả phương ngữ trong dạy học vẫn còn gặp nhiều hạn chế. Hệ thống bài tập trong sách giáo khoa và tài liệu tham khảo hiện nay chưa thật sự được thiết kế theo hướng chuyên biệt cho từng nhóm lỗi mang tính vùng miền; các bài tập còn rời rạc, thiếu tính hệ thống, chưa bám sát đặc điểm ngôn ngữ địa phương cũng như đặc điểm tâm lý – nhận thức của học sinh lớp 1. Điều này khiến giáo viên gặp khó khăn trong việc lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức luyện tập phù hợp để hỗ trợ học sinh sửa lỗi một cách hiệu quả. Từ thực tế đó, việc xây dựng một hệ thống bài tập Tiếng Việt có định hướng rõ ràng, được

thiết kế phù hợp nhằm giúp học sinh lớp 1 khắc phục lỗi chính tả do phương ngữ là một nhu cầu cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Đề tài này không chỉ góp phần hỗ trợ giáo viên có thêm công cụ giảng dạy hiệu quả mà còn trực tiếp giúp học sinh nâng cao khả năng viết đúng chính tả – một trong những kỹ năng nền tảng thiết yếu trong học tập và giao tiếp.

Xuất phát từ tình hình thực tế như vậy, tôi đã xây dựng và thực hiện sáng kiến:
“Xây dựng hệ thống bài tập nhằm khắc phục lỗi chính tả phương ngữ trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 1” với mong muốn góp phần nâng cao chất lượng dạy học chính tả ở tiểu học, đồng thời đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh trong giai đoạn hiện nay.

C. PHẦN NỘI DUNG

I. MÔ TẢ GIẢI PHÁP ĐÃ BIẾT

Chính tả là viết đúng, là cách viết hợp với chuẩn và những quy định mang tính quy ước xã hội, được mọi người trong một cộng đồng chấp nhận và tuân thủ. Trong thực tế, chính tả có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi cá nhân mà còn đối với cả cộng đồng xã hội. Việc viết đúng chính tả và thực hành tốt các kỹ năng viết chữ không chỉ có ý nghĩa trong giao tiếp mà còn thể hiện năng lực tư duy và trình độ văn hóa của mỗi người. Chính tả dạy cho học sinh tri thức và kỹ năng chính tả, hình thành các kỹ năng, kỹ xảo chính tả từ đó phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ ở dạng thức viết trong hoạt động giao tiếp. Chính tả là môn học đặt nền móng cho sự phát triển ngôn ngữ, văn hóa nói chung. Qua đó bồi dưỡng tình yêu tiếng Việt cho học sinh.

Phương ngữ, hay còn gọi là phương ngôn, là hình thái biểu hiện đặc thù của ngôn ngữ toàn dân. Khi hình thái này gắn liền với một khu vực địa lý nhất định, ta gọi đó là phương ngữ địa lý. Ví dụ, tiếng Việt tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, Huế có sự khác biệt nhất định về phát âm và cách dùng từ. Bên cạnh đó, sự khác biệt ngôn ngữ còn thể hiện giữa các tầng lớp xã hội, ngành nghề khác nhau, tạo nên những sắc thái phong phú trong cùng một hệ thống ngôn ngữ thống nhất.

Trong lĩnh vực ngôn ngữ học, chính tả đóng vai trò như một hệ thống ký tự được chuẩn hóa, định hình nên hình thức văn bản chính thức của một ngôn ngữ. Nếu như chính âm, tức phát âm chuẩn, có thể linh hoạt, thì tuân thủ chính tả lại là yếu tố then chốt, không thể xem nhẹ. Trong giao tiếp trực tiếp, sự hỗ trợ của các yếu tố phi ngôn ngữ như cử chỉ, điệu bộ, cho phép người nghe nắm bắt ý nghĩa ngay cả khi phát âm không hoàn toàn chuẩn xác. Tuy nhiên, văn bản viết không có sự hỗ trợ này; ý nghĩa được truyền tải trọn vẹn thông qua con chữ. Do đó, việc viết đúng chính tả là yếu tố tiên quyết để đảm bảo thông tin được truyền đạt chính xác, tránh gây hiểu lầm cho người đọc.

Trong dòng chảy lịch sử, ngôn ngữ, đặc biệt là chữ viết, đóng vai trò then chốt trong giao tiếp và truyền đạt tri thức. Hệ thống chữ viết, khi được cộng đồng chấp nhận và sử dụng liên tục, dần trở thành công cụ chuẩn hóa ngôn ngữ,

hình thành nên bản sắc văn hóa độc đáo. Sức mạnh nội tại của chữ viết thúc đẩy tiến bộ xã hội, kiến tạo nên nền văn minh nhân loại. Chữ viết không chỉ là công cụ, mà còn là di sản vô giá.

Lỗi chính tả là một trong những hiện tượng phổ biến trong quá trình học ngôn ngữ, đặc biệt ở bậc Tiểu học. Trong quá trình học tập, giao tiếp bằng ngôn ngữ một số em nói còn sai, phát âm chưa đúng và khi viết cũng mắc những lỗi sai về âm đầu, vần, âm cuối ... do khả năng ngôn ngữ, vốn từ còn ít, hạn chế. Một số em còn nói ngọng dấu ngã thành dấu sắc dẫn đến khi viết các em cũng bị nhầm ví dụ : ngã các em viết là ngá; viết sai giữa n và l ví dụ : lá các em đọc là ná, đọc và viết vần anh thành ăn, âm cuối c với âm cuối t, âm cuối ng với âm cuối n... Một bộ phận cha mẹ và học sinh chưa nhận thức được đầy đủ về tầm quan trọng của việc rèn lỗi sai chính tả do phương ngữ nên nhiều khi chưa thực sự quan tâm và đồng hành cùng giáo viên trong quá trình khắc phục các lỗi sai cho học sinh. Một bộ phận cha mẹ học sinh do tâm lí nghe con phát âm quen nên không có thói quen sửa sai cho con. Cũng có một bộ phận cha mẹ học sinh biết con phát âm sai, viết sai nhưng chưa có kĩ thuật sửa âm cũng như chưa có biện pháp sư phạm nên khi sửa sai cho con chỉ dừng lại ở việc nhắc nhở con nói lại, phát âm theo mình hoặc đánh vần luôn cho con để con viết lại.

Hiện nay có khá nhiều đề tài, công trình nghiên cứu trong nước đã tập trung tìm hiểu nguyên nhân, phân loại và đề xuất cách khắc phục lỗi chính tả cho học sinh. Tiêu biểu có thể kể đến công trình của tác giả Lê Phương Nga với cuốn “Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Việt” đã đề cập khá đầy đủ về các hiện tượng chính tả phổ biến cũng như các dạng bài tập tiêu biểu nhằm rèn luyện và khắc phục chính tả cho học sinh tiểu học. Một số luận văn, luận án chuyên ngành gần đây đã đi sâu vào nghiên cứu lỗi chính tả phương ngữ. Các nghiên cứu trên đã cung cấp nền tảng lý thuyết và thực tiễn quan trọng để nhận diện lỗi chính tả phương ngữ, tuy nhiên việc thiết kế hệ thống bài tập một cách bài bản và mang tính ứng dụng cao thì vẫn còn bỏ ngỏ. Nhiều tài liệu giảng dạy Tiếng Việt hiện hành có đưa ra các dạng bài tập nhằm rèn luyện kỹ năng chính tả, như: điền từ, chọn từ đúng, nối cặp từ, sửa lỗi... Những tài liệu này được xây dựng theo chương trình học chung, chủ yếu nhằm rèn luyện kỹ năng viết đúng theo chuẩn chính tả tiếng Việt, nhưng chưa thực sự phân hóa theo đặc điểm vùng miền hay loại lỗi phương ngữ.

Tuy vậy, hiện chưa có công trình nào xây dựng một hệ thống bài tập chuyên biệt nhằm khắc phục lỗi chính tả do phương ngữ, nhất là bài tập tích hợp với đặc điểm vùng miền và phù hợp với năng lực tiếp nhận của học sinh lớp 1. Từ việc tổng quan các công trình đã có, có thể nhận thấy rằng, các nghiên cứu trước đây chủ yếu dừng lại ở việc phân tích lỗi hoặc đề xuất mang tính lý thuyết. Chưa có công trình nào xây dựng một hệ thống bài tập hoàn chỉnh, có phân loại rõ ràng theo từng nhóm lỗi chính tả phương ngữ cụ thể.

Dạy học chính tả là một quá trình quan trọng nhằm rèn luyện cho học sinh năng lực và thói quen viết đúng chính tả vì khi viết đúng tiếng Việt, học sinh sử dụng chữ viết như công cụ để học sinh học tập các môn học khác ở trường, tại học và học suốt đời. Bên cạnh đó, dạy học chính tả còn góp phần giáo dục tình cảm, giúp học sinh hình thành ý thức trân trọng và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Qua đó bồi dưỡng tình cảm, thể hiện lòng yêu quý và giữ gìn sự trong sáng tiếng nói của dân tộc. Do đó việc dạy học chính tả đóng vai trò rất quan trọng ở Tiểu học. Dạy học chính tả phương ngữ là việc rèn luyện cho học sinh ở một địa phương nào đó viết đúng chính tả ngữ âm và khắc phục các lỗi sai phương ngữ của địa phương bằng cách các phương pháp phù hợp.

Thực tế trong quá trình dạy học cho thấy, học sinh Tiểu học nói chung và học sinh lớp 1 nói riêng thường mắc các lỗi sai phương ngữ như sai âm đầu, sai vần, sai dấu thanh. Lỗi phương ngữ đầu tiên muốn đề cập đến là lỗi sai âm đầu. Phương ngữ Bắc vắng mặt các phụ âm cong lưỡi nên không phân biệt được /ʃ/-/s/; /z/-/z/; /r/-/r/; lẫn lộn phụ âm /l/-/n/

Âm vị	Chữ viết	Ví dụ
/ʃ/ → /s/	s → x	Chim sẻ → chim xẻ sung sướng → xung xướng
/z/ → /z/	r → d/gi	Rõ ràng → giỡ giàng/ dỡ dàng rửa bát → dữa bát
/t/ → /c/	tr → ch	trâu → châu tre → che
/l/ → /n/	l → n	lấp lánh → nấp nánh lung linh → nung ninh
/n/ → /l/	n → l	nòng súng → lòng súng cây lúa → cây núa

Lỗi sai thứ hai đó là lỗi sai vần/ âm chính. Phương ngữ Bắc có đầy đủ các âm chính, tuy nhiên âm *a*, *ă* đọc nặng hơn; vần *uu* nhập một với vần *iu*, vần *iu* nhập một với vần *iêu* tạo ra các biến thể như bảng sau:

Âm vị	Chữ viết	Ví dụ
/m/ → /ie/	ươ → iê	con hươu → con hiêu rượu → riêu
/m/ → /i/	ư → i	cưu mang → ciu mang bảo lưu → bảo liu
/ă/ → /ɤ̃/	ă → â	con tằm → con tâm chiếc cặp → chiếc cập
/a/ → /ɤ̃/	a → â	màu sắc → màu sắ số bảy → số bắ

Lỗi sai phương ngữ thứ ba là lỗi sai âm cuối, âm đệm, thanh điệu. Phương ngữ Bắc có đầy đủ tất cả các âm cuối. Đặc biệt, khi phát âm âm cuối /-k/ hoặc /-t/ và /-n/ hoặc /-ng/ có thể phân biệt rõ ràng, không nhầm lẫn. Ví dụ: các/cát, tắ/tất, úc/út, lan/lang, ngan/ngang,... Phương ngữ Bắc phát âm âm đệm tương đối chuẩn, không bỏ qua âm đệm như các phương ngữ khác. Phương ngữ Bắc có 6 thanh điệu: ngang, huyền, ngã, hỏi, sắc, nặng. Các thanh điệu có sự khu biệt về âm vực và âm điệu. Đặc biệt, phương ngữ Bắc chú trọng phân biệt thanh hỏi và ngã. Thanh hỏi được phát âm với âm vực thấp, thanh ngã được phát âm với âm vực cao. Ví dụ: vễ/ vẻ, ngã/ ngắ,... khi phát âm có sự phân biệt với thanh ngã sẽ có âm vực cao, thanh hỏi sẽ có âm vực thấp hơn.

Từ thực trạng trên cho ta thấy hệ thống các bài tập nhằm khắc phục các lỗi chính tả phương ngữ còn nhiều hạn chế đòi hỏi giáo viên phải có biện pháp và hướng khắc phục các lỗi sai phương ngữ để nâng cao kết quả học tập cũng như phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh Tiểu học nói chung, học sinh lớp 1 nói riêng.

II. NỘI DUNG CÁC GIẢI PHÁP MỚI; TÍNH MỚI; TÍNH SÁNG TẠO; HIỆU QUẢ ÁP DỤNG; KHẢ NĂNG NHÂN RỘNG CỦA SÁNG KIẾN

1. Nội dung các giải pháp mới

1.1. Giải pháp 1: Tìm hiểu và nắm vững chương trình chính tả lớp 1

1.1.1. Chương trình chính tả sách giáo khoa lớp 1 Cánh diều

Sách giáo khoa chương trình mới đã thể hiện khá đầy đủ các nội dung chính tả tiếng Việt. Ở lớp 1, chương trình chính tả được dạy trong 7 tuần từ tuần 28 đến tuần 34, mỗi tuần 1 tiết chính tả. Ngoài ra trong mỗi tuần từ tuần 1 đến tuần 27, mỗi tuần có 1 tiết ôn tập trong đó có các bài tập chính tả. Nội dung chương trình chính tả lớp 1 xoay quanh các dạng chính tả Nhìn – chép, Nghe – viết, chính tả âm/vần, dấu thanh và vị trí đặt dấu thanh. Đối với chương trình lớp 1 thì yêu cầu cần đạt đối với nội dung chính tả là đặt dấu thanh đúng vị trí, viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng các chữ c, k, g, gh, ng, ngh, viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30-35 tiếng theo hình thức nhìn viết (tập chép), nghe viết trong thời gian khoảng 15 phút, viết câu, đoạn văn ngắn.

Nội dung các bài tập chính tả như sau:

Tuần	Nội dung chính tả
2	Ôn tập quy tắc viết âm đầu c.
3	Ôn tập quy tắc viết âm đầu g.
4	Phân biệt âm đầu c/k và g/gh.
5	Phân biệt âm đầu ng/ngh. Tập chép.
6	Tập chép.
7	Tập chép.
8	Tập chép.
9	Nghe – viết.
10	Ôn tập giữa học kì I: Phân biệt âm đầu g/gh, c/k và tập chép.

11	Tập chép.
12	Nghe – viết.
13	Tập chép.
14	Tập chép.
15	Phân biệt âm đầu g/gh. Tập chép.
16	Phân biệt dấu chấm, dấu chấm hỏi. Nghe – viết.
17	Tập chép.
18	Ôn tập cuối học kỳ I: Phân biệt âm đầu ng/ngh, c/k. Tập chép.
19	Phân biệt âm đầu ng/ngh. Tập chép.
20	Nghe – viết.
21	Phân biệt vần am/ăng. Tập chép.
22	Phân biệt dấu chấm, dấu chấm hỏi. Tập chép.
23	Phân biệt vần oăn/oăm. Tập chép.
24	Phân biệt dấu chấm, dấu chấm hỏi. Nghe – viết.
25	Phân biệt âm đầu c/k. Tập chép.
26	Ôn tập giữa học kỳ II: Phân biệt âm đầu ng/ngh. Tập chép.
27	Chính tả tập chép. Phân biệt âm đầu ng/ngh và vần uôn/uôt, ương/ươc.
28	Chính tả nghe – viết. Phân biệt âm đầu g/gh và vần ai/ay.
29	Chính tả tập chép. Phân biệt âm đầu c/k và vần uyt/uych.
30	Chính tả nghe – viết. Phân biệt âm đầu r/d/gi.
31	Chính tả tập chép.
32	Chính tả tập chép. Phân biệt âm đầu ng/ngh và vần uôi/uây.

33	Chính tả nghe-viết. Phân biệt âm đầu r/d/gi và vần an/ang/oan/anh.
34	Chính tả tập chép. Phân biệt âm đầu g/gh và vần eo/oe.
35	Ôn tập cuối năm: chính tả nghe – viết, phân biệt âm đầu ng/ngh và.

1.1.2. Ưu điểm của giải pháp:

Việc tìm hiểu và nắm vững chương trình chính tả lớp 1 giúp giáo viên đảm bảo tính chuẩn mực và định hướng đúng trong dạy học. Chương trình sách giáo khoa mới đã xây dựng nội dung chính tả theo hướng khoa học, phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh lớp 1. Khi giáo viên nắm chắc nội dung thì sẽ xác định rõ yêu cầu cần đạt của học sinh đối với nội dung chính tả. Điều này giúp tránh tình trạng dạy quá khó hoặc quá dễ, đồng thời đảm bảo học sinh được tiếp cận với chuẩn chính tả tiếng Việt phổ thông.

Một ưu điểm nổi bật khác là chương trình chính tả lớp 1 đã được thiết kế theo hệ thống dạng bài rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên trong việc phân loại và xây dựng bài tập. Ví dụ, với dạng bài chính tả âm/vần, giáo viên có thể thiết kế thêm các bài tập phân biệt cặp âm dễ lẫn như “l/n”, “ch/tr”. Với dạng nghe – viết, giáo viên có thể lồng ghép nội dung luyện phát âm chuẩn trước khi viết. Điều này giúp việc chữa lỗi phương ngữ không bị tách rời mà được tích hợp ngay trong quá trình dạy học chính tả. Bên cạnh đó, nội dung chương trình lớp 1 có đặc điểm là ngắn gọn, vừa sức và phù hợp với tâm lí lứa tuổi.

1.1.3. Hạn chế của giải pháp

Mặc dù có nhiều ưu điểm nhưng giải pháp này vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định khi áp dụng vào thực tế dạy học. Trước hết, chương trình chính tả lớp 1 chưa chú trọng trực tiếp đến việc sửa lỗi phương ngữ. Nội dung trong sách giáo khoa chủ yếu hướng đến chuẩn chung của tiếng Việt, không phân biệt đặc điểm vùng miền. Trong khi đó, mỗi địa phương lại có những lỗi đặc trưng khác nhau. Ví dụ, học sinh miền Bắc thường nhầm l/n, trong khi học sinh miền Trung có thể nhầm hỏi/ngã, còn học sinh miền Nam dễ nhầm v/d/gi. Các quy tắc chính tả như c/k, g/gh, ng/ngh chủ yếu liên quan đến quy tắc chữ viết, trong khi lỗi phương ngữ lại xuất phát từ phát âm.

Một nhược điểm đáng chú ý nữa là nếu giáo viên áp dụng máy móc, thiếu linh hoạt, việc nắm vững chương trình có thể trở thành hạn chế. Học sinh lớp 1 có đặc điểm là khả năng nhận thức còn hạn chế, dễ bị ảnh hưởng bởi thói quen ngôn ngữ gia đình và môi trường xung quanh. Do đó, dù giáo viên nắm vững chương trình, nhưng nếu không có sự phối hợp với phụ huynh hoặc không tạo được môi trường sử dụng tiếng Việt chuẩn, thì việc sửa lỗi phương ngữ sẽ gặp khó khăn. Ví dụ, một học sinh về nhà vẫn nghe người lớn nói “nằm” thay vì “làm”, thì rất khó để duy trì việc viết đúng nếu chỉ dựa vào giờ học trên lớp.

Nhìn chung, giải pháp “Tìm hiểu và nắm vững chương trình chính tả lớp 1” là điều kiện cần và mang tính nền tảng trong việc xây dựng hệ thống bài tập chữa lỗi sai phương ngữ. Giải pháp này giúp giáo viên định hướng đúng nội dung, phát hiện lỗi và tổ chức dạy học phù hợp với học sinh lớp 1. Tuy nhiên, đây chưa phải là điều kiện đủ, bởi chương trình còn hạn chế về thời lượng, chưa chú trọng đến yếu tố phương ngữ và cần được vận dụng linh hoạt trong thực tế.

1.2. Giải pháp 2: Tìm hiểu và nắm vững đặc điểm tâm sinh lí của học sinh Tiểu học

1.2.1. Đặc điểm tâm sinh lí của học sinh Tiểu học

Học sinh lớp 1 đang ở giai đoạn chuyển tiếp quan trọng từ môi trường mẫu giáo sang môi trường học tập chính thức của nhà trường phổ thông. Đây là bước ngoặt lớn trong cuộc đời của trẻ, đánh dấu sự thay đổi về môi trường sống, phương thức học tập cũng như yêu cầu nhận thức. Vì vậy, việc nắm vững đặc điểm tâm lý của học sinh lớp 1 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với giáo viên trong quá trình tổ chức dạy học, nhất là trong dạy học môn Tiếng Việt nói chung và phân môn chính tả nói riêng.

Học sinh lớp 1 là những trẻ em còn mang đậm dấu ấn của lứa tuổi mẫu giáo. Các em hồn nhiên, trong sáng, hiếu động và giàu trí tưởng tượng. Đặc điểm nổi bật của học sinh lớp 1 là ham hiểu biết, tò mò với những điều mới lạ. Tuy nhiên, khả năng tập trung chú ý của các em còn hạn chế, dễ bị phân tán bởi các yếu tố bên ngoài. Vì vậy, nếu nội dung học tập khô khan, đơn điệu sẽ khó thu hút được sự chú ý và hứng thú của học sinh. Tri giác của học sinh lớp 1 gắn liền với hành động và cảm xúc. Những gì các em được nhìn thấy, sờ nắm hoặc

trải nghiệm trực tiếp sẽ được tiếp nhận và ghi nhớ tốt hơn. Ngược lại, những nội dung trừu tượng, ít hình ảnh sẽ khó gây hứng thú. Trong dạy học chính tả, đặc điểm này đòi hỏi giáo viên cần tăng cường sử dụng đồ dùng trực quan như tranh ảnh, thẻ chữ, mô hình, kết hợp với các hoạt động thực hành. Ví dụ, khi dạy phân biệt các âm đầu dễ nhầm lẫn như “l” và “n”, giáo viên có thể sử dụng tranh minh họa hoặc trò chơi nhận diện từ để giúp học sinh dễ ghi nhớ.

Tư duy của học sinh lớp 1 chủ yếu là tư duy cụ thể, dựa vào những đặc điểm trực quan của sự vật, hiện tượng. Khả năng khái quát hóa còn hạn chế, các em thường ghi nhớ từng trường hợp cụ thể thay vì hiểu bản chất quy tắc. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến việc học chính tả. Học sinh có thể nhớ cách viết của một từ nhưng lại không biết áp dụng cho những từ tương tự. Vì vậy, trong dạy học chính tả, giáo viên cần tổ chức các hoạt động giúp học sinh so sánh, phân tích và nhận ra quy luật một cách đơn giản, phù hợp với khả năng nhận thức.

Học sinh lớp 1 có trí nhớ trực quan phát triển mạnh hơn trí nhớ logic. Các em dễ nhớ những hình ảnh cụ thể, sinh động nhưng lại nhanh quên nếu không được củng cố thường xuyên. Do đó, việc rèn luyện chính tả cần được thực hiện lặp lại dưới nhiều hình thức khác nhau như: viết lại từ khó, làm bài tập điền từ, tham gia trò chơi ngôn ngữ... Đặc biệt, đối với lỗi chính tả do phương ngữ, cần kết hợp giữa luyện phát âm và luyện viết để giúp học sinh ghi nhớ một cách bền vững.

Ngôn ngữ của học sinh lớp 1 đang trong quá trình hoàn thiện, vốn từ còn hạn chế và chịu ảnh hưởng mạnh từ môi trường giao tiếp gia đình và địa phương. Do đó, nhiều học sinh phát âm chưa chuẩn, dẫn đến việc viết sai chính tả. Đây là những lỗi mang tính hệ thống, có liên quan chặt chẽ đến phương ngữ. Nếu không được uốn nắn kịp thời, các lỗi này sẽ trở thành thói quen khó sửa. Vì vậy, trong dạy học chính tả, giáo viên cần: nhận diện đặc điểm phương ngữ của học sinh, kết hợp rèn phát âm chuẩn với luyện viết, thiết kế bài tập phù hợp với từng nhóm lỗi

Vậy tại sao cần phải nắm được những kiến thức về tâm lý học sinh tiểu học? Việc nắm vững kiến thức về tâm lý học sinh tiểu học là vô cùng quan trọng và cần thiết đối với giáo viên. Nó giúp giáo viên hiểu rõ đặc điểm tâm sinh lý

của trẻ để từ đó đưa ra phương pháp giáo dục và dạy học một cách phù hợp, hiệu quả. Kiến thức này là nền tảng để xây dựng mối quan hệ gần gũi, thân thiết giữa thầy cô, cha mẹ với học sinh dựa trên sự thấu hiểu và tôn trọng lẫn nhau. Kiến thức tâm lý học lứa tuổi còn góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, bồi dưỡng nhân cách của học sinh tiểu học cũng như phẩm chất cho thế hệ tương lai. Nó giúp các em phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần cùng các kỹ năng sống cần thiết. Hiểu biết sâu sắc về tâm lý lứa tuổi chính là chìa khóa để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước và xây dựng mối liên hệ bền chặt giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Lớp 1 là bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời của trẻ khi chính thức bước vào môi trường học đường. Ở độ tuổi này, trẻ trải qua nhiều thay đổi về tâm lý, bắt đầu phát triển nhận thức, tư duy và hình thành những kỹ năng xã hội căn bản. Hãy cùng tìm hiểu những đặc điểm tâm lý nổi bật của trẻ lớp 1 để có cái nhìn sâu sắc hơn về thế giới nội tâm của các em. Trong việc giáo dục tâm lý cho học sinh tiểu học, vai trò của cha mẹ và giáo viên là vô cùng quan trọng. Họ là những người thầy đầu tiên, vừa là hình mẫu cho trẻ noi theo, đồng thời cũng là người dẫn dắt, định hướng để các con, các em phát triển một tâm hồn lành mạnh. Để cuộc hành trình chinh phục tri thức của các em được trọn vẹn, điều quan trọng là cha mẹ và giáo viên cần có sự phối hợp nhịp nhàng, hỗ trợ cho nhau để tạo nên một môi trường giáo dục tâm lý tốt nhất. Vai trò của giáo viên đối với việc hình thành và phát triển tâm lý cho học sinh tiểu học là vô cùng quan trọng. Ở trường, thầy cô giáo chính là người thầy thứ hai đóng góp đáng kể vào việc giáo dục tâm lý lành mạnh cho các em. Thầy cô cần chú trọng việc tạo ra môi trường học tập an toàn, lành mạnh để các em học sinh có thể thoải mái giao tiếp, hợp tác với nhau. Từ đó, các em sẽ học được kỹ năng xã hội quan trọng như kết bạn, chia sẻ, giải quyết xung đột. Bên cạnh đó, thầy cô cũng cần tạo cơ hội để các em thể hiện bản thân, khích lệ và khen ngợi những cố gắng chân thành của học trò. Ngoài ra, trong quá trình giảng dạy, thầy cô giáo cũng cần dành sự quan tâm tới những biểu hiện tâm lý bất thường ở học sinh để có thể hỗ trợ kịp thời. Những lời khuyên, động viên từ thầy cô sẽ giúp các em vượt qua

những vấn đề tâm lý tuổi mới lớn. Việc phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình đóng vai trò vô cùng quan trọng trong giáo dục tâm lý cho học sinh tiểu học. Sự trao đổi thường xuyên giữa phụ huynh và giáo viên về tình hình học tập lẫn tinh thần của học sinh sẽ giúp cả hai bên nắm bắt được rõ nét và sâu sắc nhất về từng em. Từ đó, các bên có thể đề ra những chiến lược giáo dục phù hợp, hiệu quả nhất.

1.2.2. Ưu điểm của giải pháp

Giải pháp “Tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lí của học sinh Tiểu học” có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dạy học nói chung và dạy học chính tả nói riêng, đặc biệt đối với học sinh lớp 1. Việc nắm vững đặc điểm tâm sinh lí giúp giáo viên hiểu rõ đối tượng học sinh, từ đó lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp. Khi giáo viên hiểu rõ điều này, sẽ tránh được việc dạy học mang tính áp đặt, khô khan, thay vào đó là tổ chức các hoạt động học tập nhẹ nhàng, sinh động, phù hợp với lứa tuổi.

Một ưu điểm nổi bật khác là giải pháp này giúp giáo viên tổ chức bài học hấp dẫn, phát huy tính tích cực của học sinh. Bên cạnh đó, giải pháp này giúp giáo viên xây dựng phương pháp rèn luyện phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh. Học sinh lớp 1 có tư duy cụ thể, khả năng khái quát còn hạn chế, nên các em thường ghi nhớ từng trường hợp cụ thể. Khi hiểu rõ điều này, giáo viên sẽ biết cách tổ chức cho học sinh so sánh, nhận diện, luyện tập nhiều lần để hình thành quy tắc một cách tự nhiên. Điều này đặc biệt hiệu quả trong việc chữa lỗi chính tả do phương ngữ.

1.2.3. Hạn chế của giải pháp

Việc tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lí học sinh đòi hỏi giáo viên phải có kiến thức và sự đầu tư thời gian nhất định. Không phải giáo viên nào cũng được đào tạo sâu về tâm lí học lứa tuổi, do đó việc vận dụng vào thực tiễn có thể chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác. Nếu chỉ hiểu ở mức chung chung mà không gắn với từng đối tượng cụ thể thì hiệu quả sẽ không cao.

Thứ hai, đặc điểm tâm sinh lí của học sinh không hoàn toàn giống nhau giữa các cá nhân. Mặc dù cùng lứa tuổi nhưng mỗi học sinh có hoàn cảnh gia đình, môi trường sống và mức độ phát triển khác nhau. Vì vậy, nếu giáo viên áp

dụng một cách đồng loạt, thiếu linh hoạt thì khó đáp ứng được nhu cầu của từng em. Ví dụ, có em tiếp thu nhanh, có em chậm hơn, nếu không có sự phân hóa thì sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả học tập.

Một hạn chế khác là việc vận dụng hiểu biết tâm lí vào dạy học đòi hỏi giáo viên phải sáng tạo trong phương pháp. Nếu giáo viên chỉ dừng lại ở việc “biết” mà không “làm”, tức là không chuyển hóa thành các hoạt động cụ thể như trò chơi, bài tập trực quan... thì giải pháp sẽ không phát huy tác dụng. Trong thực tế, một số giáo viên vẫn dạy theo lối truyền thống, ít đổi mới nên chưa tận dụng được lợi thế của việc hiểu tâm lí học sinh.

Ngoài ra, việc tổ chức dạy học theo đặc điểm tâm lí học sinh thường tốn nhiều thời gian và công sức. Giáo viên phải chuẩn bị đồ dùng dạy học, thiết kế hoạt động phong phú, theo dõi từng học sinh... Trong điều kiện lớp học đông, thời gian hạn chế, điều này có thể gây khó khăn cho giáo viên.

Giải pháp này là một giải pháp có tính nền tảng và rất cần thiết trong dạy học, đặc biệt đối với học sinh lớp 1. Giải pháp giúp giáo viên hiểu học sinh, lựa chọn phương pháp phù hợp, tạo hứng thú học tập và nâng cao hiệu quả giáo dục.

1.3. Giải pháp 3: Năm vững quan hệ giữa ngữ âm - chữ viết và các nguyên tắc chính tả chi phối việc dạy học chính tả ở tiểu học

1.3.1. Quan hệ giữa ngôn ngữ toàn dân với tiếng địa phương và vấn đề chính tả phương ngữ

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp cơ bản và quan trọng nhất của con người, đồng thời là công cụ phản ánh và lưu giữ bản sắc văn hóa dân tộc. Trong hệ thống ngôn ngữ ấy, tồn tại song song hai hình thức cơ bản: ngôn ngữ toàn dân và tiếng địa phương. Việc nhận thức đúng mối quan hệ giữa hai hình thức này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong dạy học Tiếng Việt, nhất là trong việc rèn luyện chính tả cho học sinh lớp 1.

Ngôn ngữ toàn dân là hình thức ngôn ngữ chung, mang tính chuẩn mực và thống nhất, được sử dụng rộng rãi trên toàn lãnh thổ, không phân biệt vùng miền góp phần duy trì sự trong sáng và ổn định của tiếng Việt. Trong nhà trường, ngôn ngữ toàn dân chính là chuẩn mực để học sinh học tập, rèn luyện và sử

dụng trong cả nói và viết. Trái lại, tiếng địa phương (phương ngữ) là hình thức ngôn ngữ mang những đặc điểm riêng biệt về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp, phản ánh bản sắc ngôn ngữ của từng khu vực cụ thể. Tiếng địa phương phản ánh đời sống văn hóa, lịch sử và thói quen giao tiếp của cộng đồng dân cư ở mỗi khu vực, góp phần làm phong phú và đa dạng cho tiếng Việt. Tuy nhiên, sự khác biệt này cũng chính là nguyên nhân dẫn đến những khó khăn nhất định trong quá trình học tập ngôn ngữ chuẩn, đặc biệt là trong lĩnh vực chính tả.

Căn cứ vào đặc điểm ngữ âm, các nhà ngôn ngữ học đã phân chia tiếng Việt thành ba vùng phương ngữ chính: phương ngữ Bắc, phương ngữ Trung và phương ngữ Nam. Mỗi vùng phương ngữ đều có những đặc trưng riêng, đặc biệt là về mặt phát âm. Chẳng hạn, ở một số vùng phương ngữ Bắc có hiện tượng lẫn lộn giữa âm “n” và “l”; ở phương ngữ Trung thường gặp hiện tượng nhầm lẫn giữa các thanh điệu; còn ở phương ngữ Nam, sự phân biệt giữa “v” và “d”, giữa “tr” và “ch” đôi khi chưa rõ ràng. Những đặc điểm ngữ âm này, khi đi vào môi trường học đường, đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc tiếp thu và sử dụng chính tả của học sinh.

Đối với học sinh lớp 1 – lứa tuổi đang trong giai đoạn đầu hình thành và phát triển ngôn ngữ viết – ảnh hưởng của phương ngữ càng trở nên rõ rệt. Các em thường có xu hướng “nghe sao viết vậy”, tức là ghi lại đúng những gì mình phát âm. Khi phát âm chưa chuẩn theo ngôn ngữ toàn dân, việc viết sai chính tả là điều khó tránh khỏi. Những lỗi sai phổ biến thường gặp như: nhầm lẫn âm đầu (n/l, ch/tr, s/x), nhầm vần (ăn/anh, ươu/iêu), nhầm âm cuối (c/t, ng/n) hoặc nhầm dấu thanh (dấu hỏi – dấu ngã...). Đây là những lỗi mang tính hệ thống và có liên quan chặt chẽ đến đặc điểm phương ngữ của từng địa phương. Chính vì vậy, học sinh ở các vùng phương ngữ khác nhau thường mắc phải các lỗi chính tả mang tính đặc thù của vùng miền mình sinh sống.

Thực tế giảng dạy cho thấy, nếu giáo viên không nhận diện được nguồn gốc của các lỗi chính tả này, việc sửa lỗi sẽ gặp nhiều khó khăn và kém hiệu quả. Việc chỉ đơn thuần yêu cầu học sinh “viết lại cho đúng” mà không giúp các em hiểu được sự khác biệt giữa cách phát âm địa phương và cách phát âm chuẩn sẽ không mang lại kết quả bền vững. Do đó, việc tìm hiểu và phân tích đặc điểm

phương ngữ của học sinh là bước quan trọng, giúp giáo viên xây dựng nội dung và phương pháp dạy học phù hợp.

Mối quan hệ giữa ngôn ngữ toàn dân và tiếng địa phương không phải là mối quan hệ đối lập mà là mối quan hệ bổ sung cho nhau. Tiếng địa phương góp phần làm giàu bản sắc văn hóa ngôn ngữ, trong khi ngôn ngữ toàn dân giữ vai trò chuẩn hóa và thống nhất. Trong dạy học Tiếng Việt, giáo viên cần giúp học sinh nhận thức được sự tồn tại của hai hình thức này, từ đó hình thành ý thức sử dụng ngôn ngữ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. Cụ thể, học sinh có thể sử dụng tiếng địa phương trong giao tiếp hằng ngày, nhưng cần sử dụng ngôn ngữ toàn dân trong học tập, đặc biệt là trong nói và viết chính tả. Đối với việc dạy học chính tả ở lớp 1, vấn đề đặt ra không chỉ là giúp học sinh viết đúng mà còn là giúp các em dần điều chỉnh phát âm theo chuẩn ngôn ngữ toàn dân. Điều này đòi hỏi giáo viên phải có sự kết hợp linh hoạt giữa rèn phát âm và luyện viết. Các biện pháp như: so sánh cách phát âm chuẩn với cách phát âm địa phương, sử dụng tranh ảnh minh họa, tổ chức trò chơi ngôn ngữ, luyện đọc – luyện viết kết hợp... sẽ giúp học sinh nhận diện và khắc phục lỗi hiệu quả hơn. Ngoài ra, sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình cũng đóng vai trò quan trọng trong việc sửa lỗi chính tả phương ngữ cho học sinh. Phụ huynh cần được hướng dẫn để nhận thức đúng về vai trò của việc phát âm chuẩn và viết đúng chính tả, từ đó hỗ trợ con em mình trong quá trình học tập.

Tóm lại, việc hiểu rõ mối quan hệ giữa ngôn ngữ toàn dân và tiếng địa phương, cũng như ảnh hưởng của phương ngữ đến việc học chính tả, là cơ sở khoa học quan trọng giúp giáo viên xây dựng các biện pháp dạy học phù hợp. Đây chính là nền tảng để nâng cao chất lượng dạy học Tiếng Việt ở lớp 1, góp phần hình thành cho học sinh kỹ năng sử dụng ngôn ngữ chuẩn mực, trong sáng và hiệu quả ngay từ những năm học đầu tiên.

1.3.2. Các nguyên tắc chính tả chi phối việc dạy học chính tả ở tiểu học

Loài người đã sản sinh ra ba loại chữ viết chính: chữ viết ghi hình, chữ viết ghi ý và chữ viết ghi âm. Chữ viết tiếng Việt thuộc hệ thống chữ biểu âm, cụ thể là chữ ghi âm vị – nghĩa là mỗi đơn vị âm (âm vị) trong tiếng Việt đều có một ký hiệu chữ viết tương ứng. Mối quan hệ này thường được xem là mối quan

hệ một - một giữa âm thanh và chữ viết. Trên cơ sở đó, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng chính tả tiếng Việt vận hành chủ yếu theo nguyên tắc ngữ âm học: viết thế nào thì đọc như thế, và ngược lại. Tuy nhiên, trong thực tế sử dụng, vẫn tồn tại nhiều trường hợp không hoàn toàn tuân theo nguyên tắc này. Điều đó cho thấy chính tả tiếng Việt không chỉ chịu sự chi phối của nguyên tắc ngữ âm mà còn bao hàm các quy tắc khác.

a) Nguyên tắc dạy học chính tả theo khu vực

Trong dạy học Tiếng Việt nói chung và phân môn chính tả nói riêng, việc vận dụng nguyên tắc dạy học theo khu vực có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhất là đối với học sinh lớp 1 – đối tượng đang ở giai đoạn đầu hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ viết. Nguyên tắc này xuất phát từ thực tế khách quan của tiếng Việt là một ngôn ngữ thống nhất nhưng có sự phân hóa rõ rệt về phương ngữ giữa các vùng miền. Việc dạy chính tả theo khu vực đòi hỏi nội dung giảng dạy phải tương thích với đặc điểm phương ngữ của từng địa phương. Thực tế cho thấy, mỗi vùng miền có phương ngữ riêng biệt, dẫn đến những dạng lỗi chính tả đặc thù của học sinh tại từng khu vực. Do đó, trong quá trình giảng dạy, giáo viên cần tiến hành tìm hiểu, khảo sát và nắm bắt đặc điểm phương ngữ của địa phương nơi mình công tác từ đó xác định các lỗi chính tả phổ biến ở học sinh của mình. Việc khảo sát có thể được thực hiện thông qua các hình thức như: quan sát quá trình học tập trên lớp, kiểm tra bài viết của học sinh, tổ chức các hoạt động đọc – viết hoặc trao đổi trực tiếp với học sinh và phụ huynh. Qua đó, giáo viên sẽ có cái nhìn toàn diện và chính xác về thực trạng lỗi chính tả của học sinh trong lớp. Việc xác định đúng các lỗi trọng tâm là cơ sở quan trọng để xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp. Nội dung ôn luyện chính tả cần được lựa chọn có trọng điểm, tập trung vào những lỗi mang tính phổ biến và có nguyên nhân từ ảnh hưởng của phương ngữ.

Có thể thấy rằng việc dạy học chính tả theo khu vực không chỉ đơn thuần là lựa chọn nội dung phù hợp mà còn đòi hỏi giáo viên phải có sự linh hoạt và sáng tạo trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học. Cụ thể, giáo viên cần lựa chọn những bài tập phong phú, đa dạng, phù hợp với từng nhóm lỗi phương ngữ của học sinh. Các bài tập có thể được xây dựng dưới nhiều hình thức như: điền

từ, chọn từ đúng, phân biệt cặp từ dễ nhầm lẫn, sửa lỗi sai, trò chơi ngôn ngữ... nhằm tạo hứng thú và tăng hiệu quả tiếp thu cho học sinh.

Ngoài ra, nguyên tắc dạy học theo khu vực còn yêu cầu sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình. Phụ huynh cần được hướng dẫn để nhận thức rõ vai trò của việc phát âm chuẩn và viết đúng chính tả, từ đó hỗ trợ con em trong quá trình học tập. Việc tạo ra môi trường ngôn ngữ chuẩn mực cả ở nhà và ở trường sẽ góp phần quan trọng trong việc hình thành kỹ năng chính tả bền vững cho học sinh.

Tóm lại, dạy học chính tả theo khu vực là một nguyên tắc mang tính thực tiễn cao, phù hợp với đặc điểm của tiếng Việt và đối tượng học sinh tiểu học. Việc vận dụng hiệu quả nguyên tắc này sẽ giúp giáo viên nâng cao chất lượng giảng dạy, đồng thời giúp học sinh khắc phục được các lỗi chính tả do ảnh hưởng của phương ngữ, hình thành thói quen sử dụng tiếng Việt đúng chuẩn ngay từ những năm học đầu tiên.

b) Nguyên tắc phát triển tư duy trong dạy học

Trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học, đặc biệt là phân môn chính tả, việc phát triển tư duy cho học sinh giữ vai trò vô cùng quan trọng. Nguyên tắc phát triển tư duy trong dạy học chính tả là sự vận dụng có chọn lọc các nguyên tắc chung của dạy học phát triển tư duy trong môn Tiếng Việt, đồng thời có sự điều chỉnh phù hợp với đặc thù riêng của dạy học chính tả. Không chỉ dừng lại ở việc giúp học sinh viết đúng, dạy học chính tả còn hướng tới mục tiêu sâu xa hơn là hình thành năng lực tư duy ngôn ngữ, giúp học sinh biết phân tích, nhận diện và sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác, hiệu quả.

Trong quá trình giảng dạy, giáo viên cần chú trọng tổ chức rèn luyện cho học sinh các thao tác tư duy cơ bản như phân tích, tổng hợp, so sánh, thay thế, bổ sung, lược bỏ, khái quát hóa,... Đây là những thao tác nền tảng giúp học sinh từng bước tiếp cận và hiểu được bản chất của ngôn ngữ.

Một điểm cần lưu ý là, nguyên tắc phát triển tư duy trong dạy học chính tả không tách rời việc rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ. Học sinh không chỉ cần nhận biết hình thức chữ viết mà còn phải hiểu được ý nghĩa của từ ngữ và nội dung thông tin mà mình muốn diễn đạt. Điều này đặc biệt quan trọng đối với học sinh

lớp 1, khi các em đang trong giai đoạn hình thành mối liên hệ giữa âm và chữ, giữa nói và viết.

Đặc thù của hoạt động dạy học chính tả là không có các bài học riêng biệt về lý thuyết hay kỹ năng chính tả mà chủ yếu thông qua các bài tập thực hành. Do đó, vai trò của giáo viên là hướng dẫn học sinh cách thức làm bài tập, tạo điều kiện để các em tự suy nghĩ, vận dụng tư duy nhằm giải quyết các yêu cầu trong bài tập và từ đó rút ra những quy tắc hoặc mẹo chính tả. Ví dụ, thay vì cung cấp sẵn quy tắc phân biệt “g” và “gh”, giáo viên có thể đưa ra một số từ ngữ chứa hai âm này, yêu cầu học sinh quan sát, nhận xét và rút ra quy luật. Hoặc khi gặp các từ dễ viết sai, giáo viên có thể tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm, tìm cách giải thích và ghi nhớ. Những hoạt động như vậy không chỉ giúp học sinh tiếp thu kiến thức một cách chủ động mà còn tạo hứng thú trong học tập. Quá trình này không chỉ giúp học sinh ghi nhớ kiến thức một cách sâu sắc hơn mà còn rèn luyện đồng thời các kỹ năng tư duy.

Hệ thống bài tập chính tả phong phú về số lượng và đa dạng về hình thức chính là công cụ hữu hiệu để kích lệ sự hứng thú học tập và thúc đẩy sự phát triển tư duy của học sinh lớp 1. Một số dạng bài tập có thể kể đến như: điền chữ còn thiếu, lựa chọn từ đúng, phân biệt cặp từ dễ nhầm lẫn, sửa lỗi sai, nối từ, tìm từ theo yêu cầu,... Mỗi dạng bài tập đều hướng tới việc rèn luyện một hoặc nhiều thao tác tư duy nhất định, giúp học sinh không chỉ ghi nhớ mà còn hiểu và vận dụng linh hoạt. Đặc biệt, đối với học sinh lớp 1 – lứa tuổi có tư duy còn mang tính trực quan, cụ thể – việc phát triển tư duy trong dạy học chính tả cần được thực hiện thông qua các hoạt động gần gũi, sinh động và có yếu tố trực quan. Giáo viên có thể kết hợp tranh ảnh, trò chơi ngôn ngữ, hoạt động nhóm hoặc các tình huống thực tế để tạo điều kiện cho học sinh tham gia tích cực vào quá trình học tập. Việc “học thông qua chơi” không chỉ giúp các em dễ tiếp thu mà còn kích thích sự tò mò, khám phá và sáng tạo.

Ngoài ra, nguyên tắc phát triển tư duy còn đòi hỏi giáo viên phải chú trọng đến việc rèn luyện khả năng tự phát hiện và sửa lỗi của học sinh. Thay vì chỉ ra lỗi sai một cách trực tiếp, giáo viên nên hướng dẫn học sinh tự tìm ra lỗi và cách sửa. Điều này giúp các em hình thành thói quen kiểm tra, đánh giá và

điều chỉnh trong quá trình học tập, từ đó nâng cao hiệu quả học chính tả một cách bền vững.

Việc vận dụng nguyên tắc phát triển tư duy trong dạy học chính tả không chỉ giúp học sinh viết đúng mà còn góp phần hình thành năng lực sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và sáng tạo. Học sinh sẽ biết cách lựa chọn từ ngữ phù hợp, diễn đạt ý tưởng rõ ràng và chính xác, đồng thời có khả năng tự học và tự hoàn thiện kỹ năng ngôn ngữ của mình.

Tóm lại, phát triển tư duy trong dạy học chính tả là một yêu cầu mang tính tất yếu và có ý nghĩa lâu dài. Đối với học sinh lớp 1, việc rèn luyện các thao tác tư duy thông qua hoạt động thực hành chính tả không chỉ giúp các em nắm vững kiến thức mà còn tạo nền tảng quan trọng cho sự phát triển ngôn ngữ và tư duy trong những năm học tiếp theo. Vì vậy, giáo viên cần vận dụng linh hoạt và sáng tạo nguyên tắc này trong quá trình giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng dạy học Tiếng Việt nói chung và phân môn chính tả nói riêng.

c) Nguyên tắc kết hợp giữa chính tả có ý thức và không ý thức trong việc dạy học chính tả

Dạy học chính tả trong môn Tiếng Việt ở tiểu học là một quá trình mang tính hệ thống, nhằm hình thành và rèn luyện cho học sinh kỹ năng viết đúng theo chuẩn mực của ngôn ngữ toàn dân. Đây không chỉ là việc giúp học sinh tránh sai sót trong chữ viết mà còn góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ, tư duy và ý thức sử dụng tiếng Việt một cách chính xác, trong sáng. Để đạt được mục tiêu đó, việc vận dụng nguyên tắc kết hợp giữa chính tả có ý thức và chính tả không có ý thức giữ vai trò đặc biệt quan trọng.

Dạy chính tả là quá trình rèn luyện cho học sinh kỹ năng viết đúng chữ tiếng Việt theo các chuẩn mực chính tả, đồng thời thông qua việc làm bài tập nhằm củng cố khả năng viết chính xác và thành thạo các quy tắc chính tả.

Phương pháp dạy chính tả không có ý thức, hay còn gọi là phương pháp cơ giới, dựa trên việc học sinh viết theo thói quen lặp đi lặp lại mà không cần hiểu rõ các quy tắc chính tả. Phương pháp này giúp hình thành phản xạ nhanh, tạo nên “kỹ xảo chính tả” – tức khả năng viết đúng một cách tự động, không cần suy nghĩ nhiều. Mặc dù phương pháp này giúp học sinh ghi nhớ một cách tự động,

nhưng lại không khuyến khích sự phát triển tư duy và khả năng tự nhận thức trong quá trình học. Học sinh có thể viết đúng trong những trường hợp quen thuộc nhưng dễ mắc lỗi khi gặp tình huống mới hoặc biến đổi. Việc ghi nhớ mang tính máy móc khiến kiến thức thiếu bền vững và khó vận dụng linh hoạt. Phương pháp dạy chính tả không có ý thức có vai trò quan trọng trong việc hình thành kỹ năng và phản xạ chính tả. Đối với học sinh lớp 1, việc luyện tập thường xuyên là điều kiện cần thiết để các em ghi nhớ và sử dụng đúng chữ viết. Thông qua các hoạt động như: chép chính tả; viết lại từ khó; luyện viết theo mẫu; làm bài tập lặp lại. Học sinh dần hình thành thói quen viết đúng một cách tự nhiên. Đặc biệt, đối với những trường hợp chính tả không có quy tắc rõ ràng hoặc khó giải thích, phương pháp này càng phát huy hiệu quả.

Ngược lại, phương pháp dạy chính tả có ý thức, hay phương pháp dạy học tự giác, nhấn mạnh vai trò của nhận thức trong quá trình học tập. Giáo viên hướng dẫn học sinh nhận biết, phân tích và vận dụng các quy tắc, mẹo chính tả một cách chủ động. Học sinh không chỉ biết viết đúng mà còn hiểu được “vì sao viết như vậy”. Thông qua việc làm bài tập, học sinh có điều kiện tự khám phá, rút ra các quy tắc chính tả, từ đó luyện tập và dần hoàn thiện kỹ năng viết chính xác. Việc hình thành kỹ xảo chính tả dựa trên nhận thức có ý thức giúp học sinh ghi nhớ sâu sắc hơn, tiết kiệm thời gian và công sức đồng thời nâng cao hiệu quả học tập, được xem là con đường ngắn nhất và hiệu quả nhất trong dạy học chính tả. Phương pháp dạy chính tả có ý thức giữ vai trò định hướng và phát triển tư duy cho học sinh. Thông qua phương pháp này, học sinh được: nhận biết các quy tắc chính tả cơ bản; hiểu mối quan hệ giữa âm và chữ; biết phân tích, so sánh và lựa chọn cách viết đúng. Ví dụ, khi dạy phân biệt “l” và “n”, giáo viên không chỉ yêu cầu học sinh viết lại nhiều lần mà còn hướng dẫn các em nhận diện sự khác biệt trong phát âm, tìm ví dụ và sử dụng từ trong câu. Qua đó, học sinh hiểu rõ và ghi nhớ có hệ thống. Đối với học sinh lớp 1, phương pháp có ý thức cần được triển khai ở mức độ phù hợp, thông qua các hình thức đơn giản như: nhận xét, so sánh từ; tìm từ đúng – sai; giải thích đơn giản bằng ngôn ngữ dễ hiểu. Điều này giúp các em từng bước hình thành tư duy ngôn ngữ mà không gây áp lực học tập. Việc dạy chính tả theo phương pháp có ý thức thường chiếm

ưu thế hơn bởi giai đoạn này các em đã bắt đầu phát triển các kỹ năng tư duy và khả năng nhận biết các quy tắc, mẹo chính tả cơ bản. Qua đó, các em không chỉ học cách viết đúng mà còn hiểu được lý do đằng sau các quy tắc ấy, giúp hình thành thói quen viết chính xác một cách có chủ đích. Tuy nhiên, bên cạnh phương pháp này, việc kết hợp phương pháp dạy chính tả không có ý thức cũng rất cần thiết, đặc biệt đối với những lỗi chính tả không thể áp dụng các quy tắc hay mẹo học tập cụ thể. Với những trường hợp này, giáo viên nên cho học sinh thực hành làm nhiều bài tập nhằm giúp các em luyện tập và dần hình thành thói quen ghi nhớ tự nhiên.

Trong thực tiễn giảng dạy, không có phương pháp nào là chìa khóa vạn năng nếu được sử dụng riêng lẻ. Mỗi phương pháp đều có những ưu điểm và hạn chế nhất định. Do đó, việc kết hợp linh hoạt giữa phương pháp có ý thức và không có ý thức là một yêu cầu tất yếu nhằm đạt được hiệu quả tối ưu trong dạy học chính tả. Sự kết hợp linh hoạt giữa hai phương pháp có ý thức và không có ý thức trong dạy học chính tả sẽ tạo điều kiện tối ưu để học sinh phát triển toàn diện kỹ năng viết chính xác. Phương pháp có ý thức giúp học sinh phát triển khả năng nhận thức và vận dụng quy tắc, còn phương pháp không có ý thức hỗ trợ các em hình thành phản xạ chính tả thông qua việc luyện tập thường xuyên. Do đó, để đạt được hiệu quả tốt nhất trong giảng dạy chính tả, giáo viên cần cân nhắc và điều chỉnh linh hoạt giữa hai cách tiếp cận này, phù hợp với đặc điểm, trình độ và nhu cầu học tập của từng nhóm học sinh. Nguyên tắc kết hợp giữa chính tả có ý thức và không có ý thức là một trong những nguyên tắc cốt lõi trong dạy học chính tả ở tiểu học. Việc vận dụng linh hoạt hai phương pháp này sẽ giúp học sinh vừa hiểu, vừa nhớ, vừa làm chủ kỹ năng viết đúng chính tả.

d) Nguyên tắc phối hợp giữa phương pháp tích cực và tiêu cực trong dạy học chính tả

Trong dạy học chính tả ở lớp 1, việc lựa chọn và vận dụng phương pháp dạy học phù hợp có ý nghĩa quyết định đến chất lượng tiếp thu của học sinh. Trong đó, nguyên tắc phối hợp giữa phương pháp tích cực và phương pháp tiêu cực được xem là một trong những nguyên tắc quan trọng, góp phần nâng cao

hiệu quả dạy học chính tả, đặc biệt trong việc sửa lỗi chính tả do ảnh hưởng của phương ngữ.

Trong dạy học chính tả, phương pháp tích cực được hiểu là cách thức tổ chức hoạt động dạy học nhằm hình thành các kỹ năng nói và viết đúng chuẩn chính tả một cách có ý thức hoặc không có ý thức ngay từ giai đoạn đầu. Giáo viên đóng vai trò định hướng, cung cấp mẫu chuẩn, tổ chức các hoạt động luyện tập để học sinh làm quen với cách viết đúng thông qua nhiều hình thức khác nhau như tập chép, nghe – viết, luyện tập theo mẫu, trò chơi ngôn ngữ... Phương pháp này có thể được triển khai cả theo hướng có ý thức (giải thích, phân tích quy tắc) và không có ý thức (luyện tập lặp lại để hình thành thói quen). Đối với học sinh lớp 1, các em chưa có nhiều kinh nghiệm ngôn ngữ, khả năng tự phát hiện lỗi còn hạn chế, vì vậy cần được cung cấp mẫu chuẩn và luyện tập thường xuyên. Phương pháp tích cực giúp học sinh: làm quen với cách viết đúng ngay từ đầu, hình thành thói quen sử dụng chữ viết chuẩn, ghi nhớ từ ngữ thông qua luyện tập và trải nghiệm, tạo nền tảng cho việc phát triển kỹ năng chính tả lâu dài. Đặc biệt, trong bối cảnh học sinh chịu ảnh hưởng của phương ngữ, việc cung cấp mẫu chuẩn có ý nghĩa rất quan trọng. Học sinh cần được “tiếp xúc thường xuyên với cái đúng” để dần hình thành thói quen viết đúng, thay thế cho cách viết sai do thói quen phát âm địa phương.

Ngược lại, phương pháp tiêu cực tập trung vào việc giúp học sinh nhận diện và phân tích các lỗi sai trong quá trình sử dụng ngôn ngữ. Trong quá trình học tập, học sinh khó tránh khỏi những sai sót, đặc biệt là lỗi chính tả do ảnh hưởng của phương ngữ. Phương pháp tiêu cực giúp học sinh nhận diện được lỗi của mình, hiểu nguyên nhân sai và từ đó điều chỉnh để tránh lặp lại trong những lần sau. Đối với học sinh lớp 1, lỗi chính tả thường mang tính hệ thống và lặp lại, đặc biệt là các lỗi do phương ngữ. Nếu không được phát hiện và sửa chữa kịp thời, những lỗi này sẽ trở thành thói quen khó sửa trong các lớp học tiếp theo. Trong quá trình dạy học, giáo viên có thể vận dụng phương pháp này thông qua: phân tích lỗi trong bài viết của học sinh, cho học sinh tìm và sửa lỗi sai, tổ chức thảo luận về nguyên nhân sai, so sánh giữa cách viết đúng và sai. Một điểm quan trọng là việc sửa lỗi cần được thực hiện một cách nhẹ nhàng, mang tính

khích lệ, tránh gây tâm lý sợ sai cho học sinh. Giáo viên cần giúp học sinh hiểu rằng sai là một phần tự nhiên của quá trình học tập và việc sửa sai chính là cơ hội để tiến bộ.

Hai phương pháp này tuy có cách tiếp cận khác nhau nhưng đều hướng đến mục tiêu chung là giúp học sinh viết đúng chính tả một cách bền vững. Phương pháp tích cực giúp “xây dựng cái đúng”, còn phương pháp tiêu cực giúp “loại bỏ cái sai”. Khi được kết hợp một cách hợp lý, hai phương pháp này sẽ bổ sung cho nhau, tạo nên hiệu quả giáo dục toàn diện. Sự kết hợp hài hòa giữa hai phương pháp này giữ vai trò then chốt trong việc nâng cao hiệu quả giảng dạy chính tả, góp phần giúp học sinh viết đúng chuẩn đồng thời phòng ngừa lỗi một cách bền vững. Phương pháp tích cực giúp học sinh tiếp cận và làm quen với cách viết đúng ngay từ đầu, trong khi phương pháp tiêu cực không chỉ yêu cầu học sinh thực hành nhiều và tiếp nhận các quy tắc, mẹo chính tả mà còn bao gồm việc tổng hợp, phân loại các lỗi phổ biến mà học sinh thường mắc phải. Từ đó, học sinh được hướng dẫn cách tự phát hiện và sửa chữa lỗi, góp phần giảm thiểu các sai sót trong bài viết. Việc cung cấp mẫu chuẩn và luyện tập thường xuyên giúp học sinh hình thành thói quen đúng ngay từ đầu. Việc sửa lỗi cần dựa trên phân tích cụ thể, giúp học sinh hiểu rõ và ghi nhớ. Nguyên tắc phối hợp giữa phương pháp tích cực và tiêu cực trong dạy học chính tả là một nguyên tắc mang tính khoa học và thực tiễn cao. Việc kết hợp linh hoạt hai phương pháp không chỉ giúp học sinh viết đúng mà còn góp phần hình thành năng lực tự học, tự điều chỉnh và phát triển tư duy ngôn ngữ. Đây chính là cơ sở quan trọng để nâng cao chất lượng dạy học Tiếng Việt, góp phần xây dựng nền tảng ngôn ngữ vững chắc cho học sinh ngay từ những năm đầu tiên của bậc tiểu học.

1.3.3. Ưu điểm của giải pháp

Giải pháp “Nắm vững quan hệ giữa ngữ âm – chữ viết và các nguyên tắc chính tả” là một giải pháp mang tính khoa học và thực tiễn cao, có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dạy học chính tả cho học sinh lớp 1. Giải pháp này giúp giáo viên hiểu rõ bản chất của chính tả tiếng Việt, từ đó định hướng đúng trong quá trình giảng dạy. Khi giáo viên nắm vững đặc điểm này, sẽ giúp học sinh hiểu đúng nguyên tắc chính tả, tránh học một cách máy móc.

Giải pháp còn giúp giáo viên vận dụng linh hoạt các nguyên tắc dạy học chính tả, đặc biệt là nguyên tắc dạy học theo khu vực. Việc khảo sát đặc điểm phương ngữ của học sinh, phân loại lỗi và lựa chọn nội dung phù hợp giúp việc dạy học trở nên sát thực tế, không dàn trải. Ví dụ, ở lớp có nhiều học sinh nhầm l/n, giáo viên có thể tập trung thiết kế bài tập phân biệt cặp âm này, từ đó nâng cao hiệu quả sửa lỗi.

Một ưu điểm quan trọng khác là giải pháp nhấn mạnh việc kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, giữa chính tả có ý thức và không có ý thức. Học sinh vừa được luyện tập để hình thành thói quen viết đúng, vừa được hướng dẫn để hiểu quy tắc. Sự kết hợp này giúp việc học chính tả trở nên bền vững hơn, phù hợp với đặc điểm học sinh lớp 1.

1.3.4. Hạn chế của giải pháp

Bên cạnh những ưu điểm, giải pháp này cũng tồn tại một số hạn chế khi áp dụng trong thực tế giảng dạy. Trước hết, giải pháp đòi hỏi giáo viên phải có kiến thức chuyên môn vững vàng về ngôn ngữ học. Việc hiểu rõ mối quan hệ giữa ngữ âm và chữ viết, cũng như các nguyên tắc chính tả không phải là điều dễ dàng đối với tất cả giáo viên. Nếu giáo viên chưa nắm chắc, việc vận dụng có thể chưa chính xác, thậm chí gây khó hiểu cho học sinh.

Thứ hai, việc áp dụng giải pháp này cần nhiều thời gian và công sức. Giáo viên phải tiến hành khảo sát lỗi, phân loại lỗi, thiết kế bài tập phù hợp với từng nhóm học sinh. Trong điều kiện lớp học đông, thời gian hạn chế, việc thực hiện đầy đủ các bước này có thể gặp khó khăn.

Giải pháp này mang tính lý thuyết tương đối cao, nếu không được cụ thể hóa thành các hoạt động dạy học sinh động thì khó áp dụng hiệu quả đối với học sinh lớp 1. Ở lứa tuổi này, học sinh còn hạn chế về tư duy trừu tượng, nên nếu giáo viên giải thích quá nhiều về quy tắc sẽ gây khó hiểu và giảm hứng thú học tập. Ngoài ra, việc yêu cầu học sinh hiểu và vận dụng các nguyên tắc chính tả có thể vượt quá khả năng nhận thức của một số học sinh yếu.

Một hạn chế nữa là sự ảnh hưởng của môi trường phương ngữ ngoài nhà trường. Dù giáo viên áp dụng tốt giải pháp, nhưng nếu học sinh vẫn sử dụng phát âm địa phương trong sinh hoạt hằng ngày thì lỗi chính tả có thể tái diễn.

Điều này làm giảm hiệu quả lâu dài của giải pháp nếu không có sự phối hợp với gia đình.

Giải pháp “Nắm vững quan hệ giữa ngữ âm – chữ viết và các nguyên tắc chính tả” là một giải pháp có cơ sở khoa học vững chắc và giá trị thực tiễn cao, giúp giáo viên nâng cao hiệu quả dạy học chính tả và sửa lỗi phương ngữ cho học sinh lớp 1.

1.4. Giải pháp 4: Nắm vững các nguyên tắc xây dựng hệ thống bài tập chính tả cho học sinh lớp 1

1.4.1. Đảm bảo mục tiêu chương trình chính tả lớp 1

Mục đích của sáng kiến là xây dựng hệ thống bài tập chính tả nhằm làm tài liệu tham khảo cho việc dạy học chính tả ở lớp 1. Vì vậy hệ thống bài tập luôn luôn bám sát mục tiêu, nội dung chương trình chính tả âm/vần lớp 1, phải đảm bảo được kiến thức cần đạt cho học sinh khi học xong chương trình. Học sinh sẽ nắm được các quy tắc viết c/k, g/gh, ng/ngh; phân biệt được âm đầu l/n, s/x, tr/ch, r/d/gi, biết được phân biệt thanh hỏi và thanh ngã, vần ưu/iu, uou/iêu, uôt/uộc, ăp/âp,...

1.4.2. Đảm bảo tính vừa sức

Tính vừa sức ở đây được hiểu là các bài tập được xây dựng phải phù hợp với trình độ nhận thức và tâm lí của học sinh. Tránh những bài tập quá dễ khiến các em không thấy hứng thú, không phát huy tính sáng tạo của học sinh và đồng thời tránh các bài tập quá khó học sinh sẽ không đủ kiến thức, kĩ năng để giải quyết yêu cầu của bài. Đồng thời nội dung của các đoạn văn, thơ, các câu ca dao, tục ngữ,...được đưa vào bài tập cũng phải phù hợp với lứa tuổi của các em.

1.4.3. Đảm bảo tính giáo dục

Qua việc xây dựng hệ thống bài tập, ta có thể lồng ghép vào đó các nội dung mang tính giáo dục như: giáo dục tình yêu thiên nhiên, tình yêu quê hương đất nước, yêu thương mọi người, Nhờ đó bồi đắp thêm cho học sinh về mặt tình cảm, các em sẽ biết yêu thương, giữ gìn những cái đẹp, cái hay, biết tôn trọng yêu thương, giúp đỡ mọi người xung quanh. Tính giáo dục còn thể hiện ở việc người xây dựng hệ thống bài tập phải biết chọn những từ ngữ mang tính thẩm

mĩ, tránh sử dụng những từ ngữ không hay, mang nghĩa tiêu cực, gây ảnh hưởng xấu đến học sinh.

1.4.4. Đảm bảo tính thực tiễn

Xây dựng hệ thống bài tập phải dựa trên thực tiễn dạy học để nắm rõ các lỗi chính tả học sinh hay mắc phải cũng như nguyên nhân từ đó sẽ làm cơ sở để chúng tôi xây dựng nên các bài tập phù hợp góp phần sửa các lỗi chính tả đó. Đồng thời các bài tập chính tả phải có dung lượng phù hợp để có thể áp dụng trong dạy học. Bên cạnh đó, những ngữ liệu, nội dung đưa ra trong bài tập phải là những gì học sinh được học hoặc gần gũi với các em để đảm bảo học sinh có thể hiểu và làm được.

1.4.5. Ưu điểm của giải pháp

Đây là một giải pháp mang tính thực tiễn cao, góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả dạy học chính tả, đặc biệt trong việc sửa lỗi sai phương ngữ cho học sinh. Việc xây dựng hệ thống bài tập dựa trên nội dung và yêu cầu cần đạt giúp học sinh nắm vững các kiến thức cơ bản. Điều này giúp việc dạy học không bị lệch hướng, đảm bảo tính thống nhất với chương trình giáo dục phổ thông, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho học sinh trong những lớp học tiếp theo.

Giải pháp chú trọng đảm bảo tính vừa sức, phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh lớp 1. Khi bài tập được thiết kế cân đối giữa độ khó và khả năng của học sinh, sẽ kích thích hứng thú học tập, giúp các em tích cực tham gia vào các hoạt động học tập và nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức. Đây là một trong những giải pháp đảm bảo tính giáo dục toàn diện. Thông qua nội dung các bài tập, giáo viên có thể lồng ghép giáo dục đạo đức, tình cảm như yêu thiên nhiên, yêu quê hương, biết yêu thương và giúp đỡ người khác. Điều này không chỉ giúp học sinh học tốt môn Tiếng Việt mà còn góp phần hình thành nhân cách, bồi dưỡng tâm hồn cho các em ngay từ những năm đầu đi học. Bên cạnh đó, giải pháp còn thể hiện rõ tính thực tiễn cao. Các ngữ liệu được lựa chọn gần gũi với cuộc sống của học sinh giúp các em dễ hiểu, dễ vận dụng, từ đó nâng cao khả năng ghi nhớ và sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn.

1.4.6. Hạn chế của giải pháp

Việc xây dựng hệ thống bài tập theo các nguyên tắc trên đòi hỏi giáo viên phải có trình độ chuyên môn và sự đầu tư thời gian, công sức. Giáo viên cần phân tích chương trình, khảo sát lỗi học sinh, lựa chọn ngữ liệu và thiết kế bài tập phù hợp. Trong điều kiện thực tế với khối lượng công việc lớn, không phải giáo viên nào cũng có đủ thời gian để thực hiện một cách đầy đủ và hiệu quả.

Dù đã đảm bảo tính vừa sức, nhưng trong thực tế lớp học, trình độ học sinh không đồng đều, nên một hệ thống bài tập chung có thể chưa phù hợp với tất cả học sinh. Có em thấy bài tập dễ, có em lại thấy khó. Nếu không có sự phân hóa hợp lý, hiệu quả dạy học sẽ bị hạn chế. Một hạn chế khác là việc đảm bảo đồng thời nhiều nguyên tắc (mục tiêu, vừa sức, giáo dục, thực tiễn) đôi khi khó đạt được sự cân đối hoàn hảo. Nếu không khéo léo, bài tập có thể bị thiên về một yếu tố mà bỏ qua yếu tố khác.

Giải pháp “Nắm vững các nguyên tắc xây dựng hệ thống bài tập chính tả cho học sinh lớp 1” là một giải pháp có tính định hướng rõ ràng, thực tiễn và hiệu quả, giúp nâng cao chất lượng dạy học chính tả và hỗ trợ sửa lỗi phương ngữ cho học sinh.

1.5. Giải pháp 5: Xây dựng hệ thống bài tập nhằm khắc phục lỗi chính tả phương ngữ trong dạy học môn tiếng Việt lớp 1

Chính tả âm – vần là hệ thống các bài tập giúp học sinh luyện tập viết đúng các từ ngữ có âm đầu, vần hoặc thanh dễ gây nhầm lẫn, thường do học sinh chưa nắm vững quy tắc chính tả của chữ quốc ngữ hoặc do ảnh hưởng từ cách phát âm theo phương ngữ địa phương.

Hệ thống bài tập chính tả âm – vần trong chương trình phân môn Chính tả được xây dựng với nội dung phong phú và hình thức thể hiện đa dạng. Các dạng bài tập này bao gồm: bài tập khắc phục lỗi âm đầu, lỗi vần, lỗi dấu thanh và lỗi viết hoa. Ngoài ra, bài tập được chia thành hai nhóm: nhóm bài tập chung dành cho học sinh trên phạm vi cả nước nhằm luyện tập và phân biệt những âm, vần thường gây nhầm lẫn; và nhóm bài tập lựa chọn, được thiết kế riêng phù hợp với đặc điểm phương ngữ của từng vùng miền.

Các dạng thức thể hiện bài tập rất phong phú, bao gồm: điền vào chỗ trống, trắc nghiệm đúng – sai, trắc nghiệm lựa chọn, phân biệt cách viết từ trong câu hoặc đoạn văn, tự rút ra quy tắc chính tả từ bài luyện tập, đặt câu nhằm phân biệt các từ có hình thức chính tả dễ nhầm, giải đố phân biệt từ ngữ có âm, vần hoặc thanh dễ lẫn, nối từ hoặc cụm từ để tạo thành câu đúng, tìm từ chứa âm – vần dễ gây lỗi thông qua gợi ý về nghĩa, bài tập phát hiện lỗi, hay bài nhìn hình đoán chữ...

Chính nhờ sự đa dạng về hình thức và nội dung, hệ thống bài tập chính tả âm – vần không chỉ giúp học sinh rèn luyện kỹ năng chính tả một cách hiệu quả mà còn tạo được sự hứng thú, góp phần nâng cao chất lượng tiếp thu và ghi nhớ kiến thức trong quá trình học tập.

Mỗi dạng bài tập chính tả âm/vần có tác dụng khác nhau, nhưng chủ yếu là hướng tới việc rèn các kỹ năng viết chính tả cho học sinh. Thông qua các bài tập học sinh sẽ được thực hành và rèn luyện các lỗi chính tả thường gặp. Và qua 12 các bài tập chính tả còn rút ra được các quy tắc, mẹo chính tả để học sinh dễ ghi nhớ, giúp các em viết chính tả tốt hơn. Đối với nhiều lỗi không có quy tắc hay mẹo chính tả thì cũng nhờ việc luyện tập thường xuyên sẽ hình thành thói quen nhờ đó các em sẽ nhớ lâu hơn. Bên cạnh đó các bài tập chính tả chủ yếu là dạng trắc nghiệm nhanh vì vậy rất phù hợp với lứa tuổi các em, các em sẽ thích thú, tập trung làm hơn.

Theo “Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học” [tr129] của Lê Phương Nga thì bài chính tả gồm hai phần.

Phần 1: Chính tả đoạn / bài: Đây là bài viết chính tả có nội dung theo chủ điểm học của tuần. Bài viết có thể là trích đoạn của bài tập đọc đã học, hoặc được soạn lại từ một bài tập đã học sao cho phù hợp với mục tiêu dạy học, hoặc cũng có thể là một bài viết được chọn ở ngoài sách giáo khoa Tiếng Việt.

Phần 2: Chính tả âm/vần: Phần này gồm các bài tập luyện kỹ năng chính tả cho học sinh. Có 2 nhóm bài tập chính tả âm - vần:

+ Nhóm bài tập bắt buộc dành cho mọi đối tượng học sinh. Đây là các bài tập nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng chính tả cho học sinh các vùng - miền

khác nhau (Ví dụ: bài tập về quy tắc viết chữ hoa, bài tập phân biệt các hiện tượng chính tả có quy tắc c / k / q; g / gh; ngh / ng)

+ Nhóm bài tập lựa chọn (để trong dấu ngoặc đơn). Đây là loại bài tập chính tả phương ngữ. Để thực hiện những bài tập này, học sinh phải sử dụng các thao tác đối chiếu, so sánh lựa chọn. Tùy đặc điểm phương ngữ của từng đối tượng, giáo viên chọn bài tập thích hợp để cho HS luyện tập. Tuy nhiên các bài tập đưa ra cũng chưa đáp ứng được tính phương ngữ đa dạng trong tiếng Việt.

1.5.1. Bài tập khắc phục lỗi âm đầu

a) Bài tập phân biệt s/x

Bài 1: Điền vào chỗ trống s hay x?

Trên núi có một con ...uôi chảy róc rách. Những tán cây ...um ...ê, che mát cả một vùng. Buổi ...áng, em cùng bà đi hái rau, nghe chim hót líu lo. Bà kể rằng, nơi đây từng là nơi ở của một vị thần rừng. Truyền thuyết kể lại rất ...inh động, ai cũng ...ao xuyên khi nghe.

Bài 2: Em hãy khoanh tròn từ viết đúng chính tả trong mỗi cặp sau:

1. xâu kim / sâu kim
2. sương mai / xương mai
3. xe đạp / se đạp
4. suối nước / xuôi nước
5. xao động / sao động

Bài 3: Chọn các tiếng thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh câu văn

Em bé đang ___ (sách / xách) cặp đến trường.

Con ___ (sâu / xâu) bò trên lá.

Hôm nay bạn em ___ (sinh / xinh) nhật.

Mẹ em mua một cái ___ (sổ / xô) tay mới.

Bài 4: Điền chữ s hoặc x vào chỗ trống cho đúng:

Bé đang ...ếp hàng vào lớp.

Trên bàn có một quả ...oài và một chiếc ...ô.

Mẹ mua cho em một chiếc ...úc ...ích.

Buổi ...áng, ông ra vườn tưới cây.

Hôm nay trời ...e lạnh

Bài 5: Chọn các tiếng thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh đoạn văn:

Xe chúng tôi leo chênh vênh trên đóc cao của con đường xuyên tỉnh. Những đám mây trắng nhỏ (sà/xà) (suông/xuông) cửa kính ô tô tạo nên cảm giác bông bênh huyền ảo. Chúng tôi đang đi trên những thác trắng (sóa/xóa) tựa mây trời, những rừng cây âm âm, những bông hoa chuỗi rục lên như ngọc lửa. Tôi lim dim mắt ngắm mấy con ngựa đang ăn cỏ trong một vườn đào ven đường. Con đen huyền, con trắng tuyết, con đỏ (son/xon), chân dịu dàng, chùm đuôi cong lướt thướt liễu rủ.

Bài 6: Điền s/x vào các câu thành ngữ sau:

- a. Đi ngược về ...uôi
- d. Đứng mũi chịu ...ào
- b. Gió táp mưa ...a
- e. Gan vàng dạ ...ắt
- c. Nhìn ...a trông rộng
- f. Ao ...âu nước cả

Bài 7: Gạch chân dưới những từ viết sai chính tả trong các câu sau:

- a. sặc sỡ, sáu xa, sắp xếp, hoa sen
- b. xinh đẹp, chim xẻ, con sâu, sinh sản
- c. sơ xác, cây súng, màu xanh, số liên lạc
- d. xem xiếc, sắp sếp, sung sướng, sạch sẽ

Bài 8: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước từ viết sai chính tả

- a. xứ sở b. sơ sác c. xuất xứ d. sơ đồ

Bài 9: Tìm từ bắt đầu bằng s/x có ý nghĩa như sau:

- a. Bãi cát mênh mông và khô khan rất hiếm cây cối.
- b. Một hiện tượng thường xảy ra khi giông.
- c. Đồ đạc bằng tre, có lỗ nhỏ, thưa khi đưa qua đưa lại thì vật nhỏ rơi xuống dưới.
- d. Động từ chỉ hoạt động của con người để tạo ra sản phẩm.

Bài 10: Điền s/x vào chỗ trống và giải câu đố sau với con vật bắt đầu bằng âm s/x:

- a. Tung tăng nhảy nhót trên cây,

Thích ăn hạt dẻ, mê bày trái ngon.

Đuôi dài cong vút như ... on,

Đố ai đoán đúng, gọi tên em nào?

Là con?

b. Em nhỏ ... ở trên cây,

Thích ăn lá biếc mỗi ngày chẳng ngại.

Uốn mình bò rất lả lơi,

Lớn lên hóa bướm rạng ngời sắc hoa.

Là con gì?

c. Chúa sơn lâm ở rừng sâu,

Gầm vang dội núi, chẳng câu nào nhường.

Bờm dài, dáng dũng phi thường,

Là ai oai vệ giữa rừng đại ngàn?

d. ... anh ... anh cánh mỏng bay quanh,

... én cây, ... én lá rất nhanh, rất tài.

... ọe râu, ... ọe cánh tung hoành,

Xứ rừng em sống, chẳng ai bắt mình.

Là con gì?

Bài 11: Điền vào chỗ trống s/x rồi giải câu đố:

a. Lấp lánh ... oi ... áng trời đêm

Như ngàn mơ ước gửi lên diệu hiền

Năm cánh bé gấp được liền

Tuy ... a mà lại thật, bé ơi!

Là gì?

b. Cây gì có tên loài cá

... ao ... ác Hà Nội nhớ thương

Mùa hè trên cao lộng gió

Quả đem về nấu nước canh?

Là cây gì?

b) Bài tập phân biệt l/n

Bài 12: Chọn tiếng thích hợp vào chỗ trống

- a) Mẹ bảo: “Cháu ngoan thì sẽ (lớn / nớn) nhanh.”
 b) Bạn Hương (làm/nàm) bài tập rất chăm chỉ.
 c) Cây (lúa/núa) chín vàng trên cánh đồng.
 d) Chị thích chơi nhảy (lò cò/nò cò) cùng các bạn.

Bài 13: Điền vào chỗ trống l hay n?

a) Núi xa ...úp xúp chân mây

Bờ sông khép lại, hàng cây thấp dần

....ơi xa bỗng hóa nên gần

Quanh em bè bạn quây quần bốn phương.

b) Mùa ...ắng, đất nẻ chân chim, ...ền nhà cũng rạnứt. Trên cái phập phều
 vàắng gió.....ấm đông như thế, cây đứngẻ khó mà chống chọiồi.

Bài 14: Điền vào chỗ trống l hay n?

– nghèo ...àn

– phànàn

– ...ồng ...àn

– ...an man

Bài 15: Điền no hay lo .

ăn.....

ấm

.....nghĩ

.....lắng

Bài 16: Điền l/n vào các câu ca dao, thành ngữ, tục ngữ sau:

a) ...á lành đùm ...á rách

b) ...ừa thử vàng, gian ...an thử sức

c) ...ắng tốt dưa, mưa tốt ..úa

d) Một cây làm chẳng ...ên ..on

Ba cây chụm lại ...ên hòn núi cao.

Bài 17: Gạch chân dưới các từ viết sai chính tả trong câu chuyện sau và sửa lại cho đúng:

Voi, Hổ và Khỉ

Voi thua Hổ trong cuộc thi tài. Voi phải nộp mạng cho Hổ sau ba ngày.
 Khỉ bày mưu giúp Voi. Đến ngày hẹn, nó ngồi trên nung Voi quát lớn:

- Hổ ở đâu?

Voi nể phép:

- Thưa ngài, Hổ sắp tới rồi ạ.

Hồ ngồi trong bụi cây. Thấy Voi to xác thể kia mà sợ một con vật bé tẹo, nó đâm hoảng, vùng bỏ chạy.

(Theo Truyện cổ dân tộc Khor - me)

Bài 18: Viết chính tả

Lá rơi lả tả ngoài sân. Nắng vàng nhẹ chiếu qua hàng cây. Bé Lan ngồi bên bà, nghe kể chuyện nôi cơm nếp ngày xưa.

Bài 19: Trò chơi đoán từ

a) Bắt đầu bằng “l”:

- Con lai của lừa và ngựa, thường được nuôi để thồ hàng
- Đồ đựng bằng gốm, hình dáng giống chum

b) Bắt đầu bằng “n”:

- Cây ăn quả hình cầu, vỏ nhiều mắt, thịt trắng, ngọt
- vật để thắp sáng, hình trụ, làm bằng sáp

Bài 20: Điền vào chỗ trống l/n rồi giải câu đố sau:

a) Quả gì nhiều mắt

Khi chín nứt ra

Ruột trắng ... õn ... à

Hạt đen nhanh nhánh

Là quả gì?

b) Sống nơi ruộng ... ước bùn sâu,

...uôi người no bụng từ lâu tháng ngày.

Đầu vàng, áo lá xanh thay,

Là cây chi đó? Nói ngay đi nào!

Là cây gì?

Bài 21: Điền vào chỗ trống l/n rồi giải câu đố sau:

a) Lúc thì chở hàng

Lúc thì nốt nhạc

Toàn thức rất khác

Bạn tìm được không?

Là con gì và nốt gì?

b) Quạt gì mà không cần điện

Từ tay mẹ gió ... ăng thắm
 Từng ... an tre nhỏ mỏng manh
 Mà ... ăng tình thương ân cần.
 Là quạt gì?

c) Bài tập phân biệt ch/tr

Bài 22: Chọn tiếng thích hợp vào chỗ trống

- a) Chị Hai vẽ (tranh / chanh) rất đẹp.
- b) Em bé được mẹ (chăm / trắm) sóc cẩn thận.
- c) Bé đi chơi (trung / chung) thu.
- d) Ông tặng bé một chiếc (chuông / truông) nhỏ

Bài 23: Điền vào chỗ trống ch hay tr?

- a) Mặt ... ời mọc rồi lặn
 ... ên đôi ... ân lon ton
 Hai ... ân ... ời của con
 Là mẹ và cô giáo

(Theo Trần Quốc Toản)

b) ời nắng ói ang, An đội trên đầu iếc mũ vải màu xanh và đi dạo công viên cùng mẹ. Cậu bé bước ... ậm rãi dưới hàng cây râm mát, lắng nghe tiếng im hót riu rít và ngắm nhìn những bông hoa trắng đang khoe sắc thắm. Mỗi bước đi, An đều cảm nhận được không khí ... ong lành và vẻ đẹp ... ong trẻo của buổi sáng mùa hè.

Bài 24: Điền vào chỗ trống ch hay tr?

Cá.....ê ẻ tre ó xù
ả cá nhà.....ọ e ngà

Bài 25: Điền ch hay tr.

cái con nuôi trở

Bài 26: Điền ch/tr vào các câu ca dao, thành ngữ, tục ngữ sau:

- a) ... ết ... ong còn hơn sống đục
- b) Chó ... eo mèo dậ
- c) ... ăm nghe không bằng một thấy
- d) Ăn quả nhớ kẻ ... òng cây

Bài 27: Gạch chân dưới các từ viết sai chính tả trong câu chuyện sau và sửa lại cho đúng:

Nhớ rừng xưa

Một con hổ của gánh xiếc kể: “Khi tôi còn nhỏ, tôi sống chong rùng nhiệt đới cùng với các anh em của tôi.

Ban ngày, chúng tôi trảy nhảy, chơi đùa dưới bóng cây, uống nước suối trong mát...

Ban đêm, chúng tôi thức để ngắm trăng, ngắm sao trời...”

Theo Thế giới của những đứa trẻ

Bài 28: Viết chính tả

Đêm rằm, trăng sáng vàng vạc. Bố mẹ cho Hằng và bé Lê sang nhà chú Bắc để phá cỗ. Mâm cỗ có đủ thứ quả: nào là bưởi, na, chuối, hồng, và cả bánh nướng, bánh dẻo thơm lừng. Trẻ con ríu rít cười đùa, tay cầm đèn ông sao lung linh đủ sắc màu.

Bài 29: Trò chơi đoán từ

a) Bắt đầu bằng “l”:

- Đồ vật trong trường, dùng để báo giờ học.
- Đồ đựng bằng gốm, hình dáng giống chum

b) Bắt đầu bằng “n”:

- Đồ vật trong nhà chùng để quét nhà
- vật để thắp sáng, hình trụ, làm bằng sáp

Bài 30: Điền vào chỗ trống ch/tr rồi giải câu đố sau:

a) Để nguyên gọi là bố

Thêm hỏi thành món ngon

Thêm huyền thành hành động

Lau ...ùi hoài bàn tay

Là chữ gì?

b) Cây gì cao vút

Cành lá um tùm

Thân ...ia nhiều đốt

Măng mềm gió lay

Là cây gì?

d) Bài tập phân biệt r/d/gi

Bài 31: Ghi Đ trước câu viết đúng chính tả và S trước câu viết sai chính tả

- Cô giáo dặn dò chúng em về nhà học bài.
- Hình dáng cô giáo em nhỏ nhắn.
- Lan để giành quả cam cho em.
- Nước dãi của động vật rất hôi.

Bài 32: Điền vào chỗ trống gi hay d?

- Cô ...áo đã ...ăn ..ò khi cô ...ảng bài phải chú ý lắng nghe.
- ...ây mơ rễ má.
- ...eo ...ó gặt bão.
- Rút ...ây động rừng.
- Dãi ...ó ...âm mưa

Bài 33: Điền vào chỗ trống r hoặc d hoặc gi:

con __ăn	__ưa dầm	__àn mướt	__ao kéo
__ận dỗi	rau __iếp cá	__ướm máu	__ặng tre
ụ __om	__âng cao	diêm __úa	__ặng co

Bài 34: Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống:

Trời sắp có mưa (rào/dào). Từ xa, mây đen đua nhau kéo về, che kín khắp bầu trời, che lấp ánh nắng. Những cơn (gió/dó) cứ thổi vù vù, cuốn bay biết bao là bụi đất, lá khô. Một tiếng sấm vang lên, báo hiệu mưa đến. Vô vàn những giọt mưa thi nhau đổ ào ào xuống đất. Tiếng mưa to như tiếng thác đổ, khiến chẳng thể nghe được bất kì âm thanh nào khác nữa. Cứ thế, mưa (răng/giăng) trắng xóa cả đất trời suốt hơn ba mươi phút. Sau đó, đột ngột mưa (dừng/rừng) lại, bất ngờ như khi mưa đến. Đó chính là cơn mưa (rào/dào) mùa hạ.

Bài 35: Điền gia, ra hay da.

- Đã đến giờ chơi.
- Mọi người trong ... đình rất yêu thương nhau
- Cái áo này được làm từ ... thú.

Bài 36: Điền d/gi vào các câu ca dao, thành ngữ, tục ngữ sau:

- a) ...ù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày ...ỗ Tổ mông mòi tháng ba.
- b) ...ở cười ...ở khóc
- c) Éch ngồi đáy ...iếng
- d) ...áy rách phải ...ữ lấy lẽ.

Bài 37: Gạch chân dưới các từ viết sai chính tả trong câu chuyện sau và sửa lại cho đúng:

- a. Gia đình An ai cũng có màu gia trắng.
- b. Nhảy giầy mà đếm giầy nữa thì thật khó.
- c. Dơ bàn tay dơ lên cô kiểm tra nào!
- d. Ông ấy nuôi con chó giữ để dũ nhà.

Bài 38: Viết chính tả

Tiếng chim cùng bé tưới hoa
Mát trong từng giọt nước hòa tiếng chim
Vòm cây xanh đỏ bé tìm
Tiếng nào riêng giữa trong ngàn tiếng chung

Bài 39: Tìm từ bắt đầu bằng r/d/gi với nghĩa tương ứng như sau:

- Thứ bao quanh một khu vực có diện tích nhất định, nhằm bảo vệ và tách khu vực đó với xung quanh:
- Chiếc que gỗ nhỏ, một đầu tẩm hoá chất màu đỏ, có khả năng bốc cháy khi cọ xát, dùng để lấy lửa:
- Trạng thái khó chịu, bực bội, không hài lòng về một điều gì đó không đúng với ý mình:

1.5.2. Bài tập khắc phục lỗi âm vần

Bài 40: Ghi Đ trước câu viết đúng chính tả và S trước câu viết sai chính tả

- ___ Con hươu chạy nhanh trong rừng.
- ___ Em bé có nụ cười tươi như hoa.
- ___ Bạn Nam đeo huy hươu trên áo.
- ___ Cô giáo tặng phần thưởng cho học sinh giỏi.
- ___ Cô giáo phát phướn bài tập.

Bài 41: Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống

Bé được nhận huy (hiệu / hươu).

Trong rừng có nhiều con (hươu / hiệu).

Cô giáo phát (phiếu / phươu) bài.

Anh ấy có (hiếu / hươu) với bố mẹ.

Bạn Nam là học sinh (tiêu / tươu) biểu.

Bài 42: Điền vào chỗ trống “ươu” hay “iêu”

chai r..... huy h..... óc b.....

h..... cao cổ năng kh..... phát b....

ch..... phim b.... cổ chim kh....

Bài 43: Chọn tiếng trong ngoặc để điền vào chỗ trống

1. Bé đang (sấp / sập) xếp sách vở.

2. Mẹ mua cho em một cái (cặp / cập) mới.

3. Chúng em học cách (gấp / gáp) giấy.

4. Bà nội đây (nấp / nắp) nồi canh.

Bài 44: Điền vào chỗ trống “ấp” hay “ập”

n... vung l.... đất m.... mạp l.... rấp

ch.... chồn g... giấy c.... sách b... ngô

Bài 45: Nối từ đúng với nghĩa

Từ	Nghĩa
1. Lấp	a. Giữ chặt không cho mở ra
2. Nấp	b. Kết hợp các bộ phận thành một cái hoàn chỉnh
3. Lấp	c. Che lại, làm cho không thấy nữa
4. Gấp	d. Gập đôi, gập lại

Bài 46: Ghi Đ vào câu viết đúng chính tả, S vào câu viết sai chính tả

___ 1. Nam và em đã cú giúp người gặ nạn.

___ 2. Bố mẹ luôn miu trí để bảo vệ gia đình.

___ 3. Những chú chim hót líu lo mỗi sáng.

___ 4. Bạn Nam níu kéo mẹ đi chợ mua đồ chơi.

Bài 47: Điền vào chỗ trống “iu” hay “uu”

c.... mang l.... lo l... giữ
nâng n.... m.... trí lúc l....

Bài 48: Chọn tiếng trong ngoặc để điền vào chỗ trống

1. Bạn Nam rất (mưu trí / miu trí)
2. Bé chim (líu lo / lưu lo) trên cành cây trong nắng sớm.
3. Anh ấy đã cố gắng (níu kéo / lưu kéo) tình bạn đẹp.
4. Các dữ liệu được (bảo lưu / bảo líu) trong máy tính.

Bài 49: Điền uôc/uôt thích hợp vào chỗ chấm sau:

- a. Ch... gặm chân mèo.
- b. Cày sâu c... bẫm.
- c. Máu chảy r... mềm.
- d. Cá lớn n... cá b .

Bài 50: Điền vào chỗ trống “uôn” hay “uông”

- a. Ch... có đánh mới kêu
Đèn có khêu mới tỏ
- b. nước, nhớ ng...
- c. Anh đi anh nhớ quê nhà
Nhớ canh rau m... nhớ cà dầm tương.

1.5.3. Bài tập khắc phục lỗi dấu thanh

Bài 51: Chọn tiếng trong ngoặc đơn để điền vào từng chỗ trống cho thích hợp:

Chú Quảng ... (kẻ, ke) cho tôi nghe cách đánh cá đèn. Lạ lùng thật đó, ...
(chẳng, chẳng) cần ... (lươi, lười) câu (chẳng, chẳng) cần môi, (chỉ, chỉ) ...
dùng ánh sáng để ... (nhử, nhữ) cá. Người ta đốt đèn ... (giữa, giữa) biển.

Bài 52: Hãy lựa chọn đáp án trong ngoặc mà con cho là đúng để hoàn chỉnh câu chuyện sau:

Bình minh hay hoàng hôn?

Trong phòng (triển lãm/triển lãm), hai người xem nói chuyện với nhau.

Một người (bảo/bảo):

c. Sạch (sẻ/sẻ) giúp bảo vệ sức (khỏe/ khỏe)

Bài 58: Điền vào chỗ trống tiếng “mở” hay”mở” để tạo thành từ ngữ thích hợp.

a.mang, đầu

b. cỏi....., thịt.....

c.màng,màn

Bài 59: Điền dấu hỏi hoặc dấu ngã vào các từ in đậm sau cho đúng:

ki luật

ki xảo

lôi làm

vật **can**

vung vàng

nghi ngơi

Bài 60: Tìm các từ chứa tiếng có thanh hỏi hoặc thanh ngã có ý nghĩa như sau:

Môn thể thao được dùng với mục đích tự vệ:.....

Môn thể thao dùng tay để điều khiển bóng:.....

1.5.4. Ưu điểm của giải pháp

Ưu điểm nổi bật của giải pháp là tập trung trực tiếp vào việc sửa lỗi chính tả do phương ngữ, một trong những khó khăn phổ biến của học sinh lớp 1. Các bài tập được thiết kế nhằm khắc phục các lỗi âm đầu, vần, dấu thanh và viết hoa – những lỗi thường gặp do ảnh hưởng của phát âm địa phương. Nhờ đó, học sinh không chỉ luyện viết đúng mà còn dần điều chỉnh cách phát âm theo chuẩn ngôn ngữ toàn dân.

Giải pháp đưa ra hệ thống bài tập phong phú, đa dạng về hình thức, giúp tăng hứng thú học tập cho học sinh. Các dạng bài như: điền chỗ trống, trắc nghiệm, nối từ, tìm từ, phát hiện lỗi, nhìn hình đoán chữ... phù hợp với đặc điểm tâm lý của học sinh lớp 1 – lứa tuổi thích hoạt động, thích khám phá và dễ bị thu hút bởi những hình thức học tập sinh động. Điều này giúp giờ học chính tả trở nên nhẹ nhàng, hấp dẫn hơn, tránh sự nhàm chán.

Một ưu điểm quan trọng khác là giải pháp kết hợp giữa luyện tập và hình thành quy tắc chính tả. Thông qua các bài tập, học sinh không chỉ luyện viết mà còn được rút ra các quy tắc, mẹo chính tả một cách tự nhiên. Đối với những trường hợp không có quy tắc, việc luyện tập lặp lại giúp hình thành thói quen viết đúng. Điều này rất phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh lớp 1 – học qua thực hành và ghi nhớ bằng thói quen.

Giải pháp góp phần nâng cao chất lượng dạy học chính tả một cách toàn diện, không chỉ giúp học sinh viết đúng mà còn phát triển khả năng tư duy, quan sát, so sánh và sử dụng ngôn ngữ trong thực tế.

1.6. Giải pháp 6: Sửa lỗi chính tả phương ngữ thông qua các phương tiện hiện đại và hình thức tổ chức dạy học phong phú.

Đây cũng là biện pháp hết sức quan trọng giúp tiết học sinh động hơn, tạo cảm giác hứng thú cho học sinh. Đồ dùng trực quan mang lại hiệu quả cao nhất đó chính là lời nói của cô giáo. Ý thức được điều đó, bản thân tôi luôn mẫu mực trong lời ăn tiếng nói hàng ngày để các em noi theo.

Tôi còn sử dụng ngay những vật thật gần gũi để các em nói luôn về chúng. Như khi sửa lỗi chính tả về âm đầu, vần, dấu thanh tôi khuyến khích học sinh sưu tầm hình ảnh, vật thật mang tới lớp để cùng quan sát, cùng thảo luận nhóm để phân biệt cách sử dụng âm, vần, dấu thanh cho chính xác. Chính sự vật các em chuẩn bị là sở thích của các em nên các em hiểu rõ về chúng hơn. Bởi vậy sẽ tạo cho trẻ niềm vui, hứng thú khi các em nói, kể về chúng với bạn bè. Điều đó cũng góp phần giúp việc sửa lỗi sai chính tả phương ngữ đạt hiệu quả.

Tôi còn kết hợp sử dụng công nghệ thông tin vào phần luyện tập vì nó có rất nhiều video, nhiều hình ảnh sống động minh họa cho từ, câu giúp học sinh có cơ hội được xem, được thấy những gì có liên quan đến chủ đề mình đang học, qua đó có thể hiểu và nhớ cách sử dụng hơn.

Ví dụ: Phân biệt ch/ tr

Tôi sưu tầm tranh ảnh, tạo các đoạn phim ngắn rồi tổ chức cho học sinh xem hình ảnh, hoạt động có liên quan đến phân biệt ch/tr sau đó cho các em nói về những gì em đã nhìn thấy.



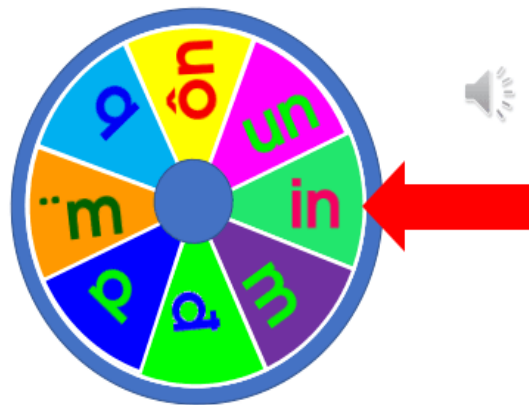
Cây tre



Che ô

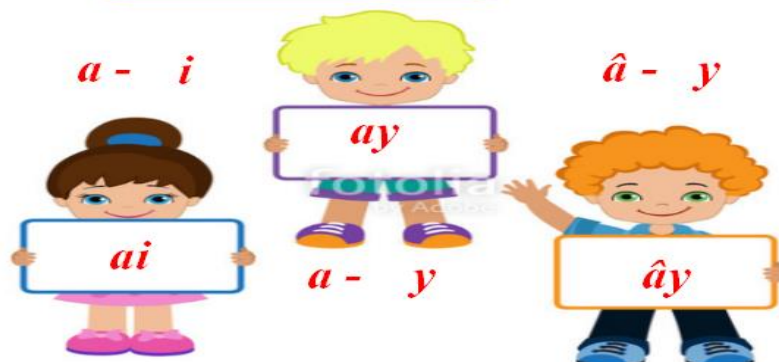
Ngoài ra, tôi còn tận dụng luôn tranh vẽ, hình ảnh có trong sách cho học sinh quan sát để giới thiệu về cách phân biệt khi nào dùng l/n, ch/tr, s/x..... Điều quan trọng nhất ở đây là tôi luôn đặt câu hỏi gợi mở để giúp học sinh đặt câu với các từ đó để phân biệt khi nào dùng từ này khi nào dùng từ kia để tránh mắc những lỗi sai. Bên cạnh việc sử dụng các nguồn tài liệu từ sách giáo khoa thì tôi còn khai thác sử dụng game trò chơi trong các tiết dạy như trò chơi trên powerpoint, trò chơi trên Quizziz,Việc sử dụng các game trò chơi trong quá trình rèn kỹ năng chính tả cho học sinh làm cho học sinh trở nên hứng thú, không nhàm chán và việc rèn kỹ năng nói trở nên tự nhiên, nhẹ nhàng.





Quay

Trò chơi: Ai nhanh hơn?





Việc thay đổi không gian học tập cũng là một hình thức tạo ra hiệu ứng học tập vô cùng hiệu quả. Đơn giản nhất là thay đổi cách sắp xếp bàn ghế, chia nhóm, góc học tập cũng giúp học sinh hứng thú, hào hứng hơn trong học tập. Cũng có thể tăng cường dạy học ngoài không gian lớp học như tại thư viện ngoài trời, tại phòng thư viện...





Mỗi hình thức tổ chức dạy học đều có tác dụng tích cực để phát triển học sinh ở một khía cạnh nào đó. Với việc thường xuyên thay đổi hình thức tổ chức lớp học, tôi luôn cố gắng tạo ra không khí lớp học thoải mái, vui tươi, nhẹ nhàng, làm cho các em thích nói, thích bày tỏ ý kiến, mạnh dạn bộc lộ những suy nghĩ của mình. Từ đó, các em sẽ sửa lỗi một cách tự nhiên, không bị cưỡng ép hay rập khuôn một cách máy móc.

Ưu điểm của giải pháp: Đây là một giải pháp mang tính hiện đại, phù hợp với xu hướng đổi mới giáo dục hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số trong dạy học. Việc kết hợp giữa công nghệ và đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học đã mang lại nhiều ưu điểm nổi bật. Giải pháp này giúp **tăng hứng thú học tập cho học sinh lớp 1**. Ở lứa tuổi này, học sinh rất dễ bị thu hút bởi hình ảnh, âm thanh, màu sắc sinh động. Việc sử dụng các phương tiện hiện đại như video, hình ảnh, phần mềm học tập, trò chơi trực tuyến... giúp giờ học chính tả trở nên hấp dẫn hơn so với cách dạy truyền thống. Khi học sinh hứng thú, các em sẽ tích cực tham gia, từ đó nâng cao hiệu quả tiếp thu và ghi nhớ kiến thức. Giải pháp còn giúp **tăng tính trực quan và sinh động trong dạy học**. Đối với việc sửa lỗi chính tả phương ngữ, việc kết hợp hình ảnh, âm thanh chuẩn sẽ giúp học sinh: nghe cách phát âm đúng, nhìn thấy cách viết đúng, So sánh được giữa đúng và sai

Ví dụ: sử dụng video phát âm chuẩn để học sinh phân biệt “l/n” hoặc “ch/tr” sẽ hiệu quả hơn việc chỉ giảng giải bằng lời. Điều này đặc biệt phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh lớp 1 – tư duy còn mang tính trực quan. Khi học sinh được học thông qua nhiều kênh (nghe – nhìn – hoạt động), kiến thức sẽ được củng cố sâu hơn. Việc kết hợp giữa công nghệ và hoạt động thực hành giúp học sinh vừa hiểu, vừa nhớ, vừa vận dụng được trong thực tế. Ngoài ra, giải pháp này còn góp phần phát triển năng lực công nghệ và kỹ năng học tập hiện đại cho học sinh. Dù ở mức độ đơn giản, việc tiếp cận với các phương tiện học tập hiện đại cũng giúp học sinh làm quen với môi trường học tập số, phù hợp với xu hướng giáo dục hiện nay.

Hạn chế của giải pháp: Bên cạnh những ưu điểm, giải pháp này cũng tồn tại một số hạn chế nhất định khi triển khai trong thực tế. Trước hết, việc áp dụng giải pháp này phụ thuộc khá nhiều vào điều kiện cơ sở vật chất và thiết bị dạy học. Không phải trường tiểu học nào cũng được trang bị đầy đủ: Máy chiếu, máy tính, Internet ổn định. Đặc biệt ở các trường vùng sâu, vùng xa, việc triển khai có thể gặp khó khăn, làm giảm khả năng áp dụng đồng đều của giải pháp. Thứ hai, giải pháp đòi hỏi giáo viên phải có năng lực sử dụng công nghệ thông tin. Trong thực tế, không phải giáo viên nào cũng thành thạo trong việc: Thiết kế bài giảng điện tử, sử dụng phần mềm dạy học, tổ chức hoạt động học tập bằng công nghệ. Nếu giáo viên chưa được bồi dưỡng đầy đủ, việc áp dụng có thể mang tính hình thức, chưa phát huy hiệu quả thực sự. Một hạn chế khác là nguy cơ lạm dụng công nghệ. Nếu giáo viên quá phụ thuộc vào phương tiện hiện đại mà không kết hợp hợp lý với các phương pháp truyền thống, giờ học có thể: thiếu chiều sâu, học sinh chỉ chú ý hình ảnh mà chưa hiểu bản chất, giảm khả năng rèn luyện kỹ năng viết thực tế. Đặc biệt, với nội dung dạy học chính tả, việc luyện viết trực tiếp vẫn giữ vai trò rất quan trọng. Ngoài ra, việc tổ chức nhiều hình thức dạy học phong phú cũng đòi hỏi giáo viên phải đầu tư nhiều thời gian chuẩn bị. Việc thiết kế trò chơi, tìm kiếm tài liệu, chuẩn bị thiết bị... có thể gây áp lực cho giáo viên, nhất là trong điều kiện khối lượng công việc lớn. Một hạn chế nữa là khả năng kiểm soát lớp học. Khi tổ chức các hoạt động phong phú như trò chơi, thi đua, làm việc nhóm..., nếu không có kỹ năng quản

lí lớp tốt, lớp học có thể trở nên mất trật tự, ảnh hưởng đến hiệu quả dạy học. Cuối cùng, việc sử dụng phương tiện hiện đại nếu không được lựa chọn phù hợp có thể không sát với nội dung bài học hoặc gây phân tán chú ý của học sinh. Do đó, giáo viên cần có sự chọn lọc và định hướng rõ ràng khi sử dụng.

Tóm lại, giải pháp này là một giải pháp hiện đại, có tính đổi mới cao và phù hợp với xu hướng giáo dục, giúp nâng cao hiệu quả sửa lỗi chính tả phương ngữ thông qua việc tăng hứng thú, tính trực quan và đa dạng hóa hình thức học tập. Tuy nhiên, để phát huy tối đa hiệu quả, cần: Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, bồi dưỡng năng lực công nghệ cho giáo viên, kết hợp hài hòa giữa phương pháp hiện đại và truyền thống, sử dụng công nghệ có chọn lọc, đúng mục tiêu. Nếu được triển khai hợp lí, giải pháp này không chỉ giúp nâng cao chất lượng dạy học chính tả mà còn góp phần đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực, hiện đại và hiệu quả.

2. Tính mới, tính sáng tạo của các giải pháp mới

Việc nghiên cứu sâu chương trình không chỉ giúp giáo viên dạy đúng mà còn mở ra hướng tiếp cận linh hoạt, chủ động trong tổ chức dạy học. Tính mới của giải pháp thể hiện ở việc chuyển từ cách tiếp cận dạy học truyền thống sang tiếp cận dạy học theo định hướng chương trình. Giáo viên không chỉ nắm nội dung mà còn hiểu rõ yêu cầu cần đạt, cấu trúc chương trình, các dạng bài tập và yêu cầu về năng lực của học sinh. Giáo viên có thể linh hoạt điều chỉnh cách tổ chức bài học, lựa chọn trọng tâm kiến thức, thậm chí thiết kế thêm bài tập phù hợp với đối tượng học sinh trên cơ sở chương trình. Điều này góp phần nâng cao vai trò chủ động, sáng tạo của giáo viên trong quá trình giảng dạy. Giải pháp thể hiện ở cách nhìn nhận chương trình theo hướng mở và linh hoạt. Thay vì coi chương trình là “khuôn mẫu cứng”, giáo viên sử dụng chương trình như một nền tảng để phát triển các hoạt động dạy học đa dạng. Chẳng hạn, từ nội dung về quy tắc chính tả (c/k, g/gh, ng/ngh), giáo viên có thể sáng tạo thêm các trò chơi, bài tập phân biệt, hoặc tình huống thực tế để học sinh vận dụng. Sự sáng tạo này giúp bài học trở nên sinh động, phù hợp với đặc điểm tâm lí của học sinh lớp 1.

Tính mới của giải pháp “Tìm hiểu và nắm vững đặc điểm tâm sinh lí của học sinh Tiểu học” thể hiện ở việc chuyển từ cách tiếp cận dạy học lấy nội dung

làm trung tâm sang cách tiếp cận lấy học sinh làm trung tâm. Trong dạy học truyền thống, giáo viên thường chú trọng truyền đạt kiến thức theo chương trình mà chưa thực sự quan tâm đầy đủ đến đặc điểm tâm lí, nhận thức của học sinh. Việc đưa các yếu tố tâm sinh lí vào làm cơ sở cho tổ chức dạy học là một bước đổi mới quan trọng, giúp quá trình dạy học trở nên phù hợp hơn với người học. Giải pháp thể hiện ở cách vận dụng linh hoạt kiến thức tâm lí học vào thực tiễn dạy học. Giáo viên không chỉ dừng lại ở việc hiểu đặc điểm học sinh mà còn chuyển hóa thành các hình thức tổ chức dạy học cụ thể như: trò chơi học tập, hoạt động nhóm, sử dụng đồ dùng trực quan, hay các hình thức khen thưởng, động viên phù hợp. Sự sáng tạo này giúp biến giờ học chính tả vốn dễ khô khan trở nên sinh động, hấp dẫn, phù hợp với tâm lí “học mà chơi, chơi mà học” của học sinh lớp 1.

Giải pháp “Nắm vững quan hệ giữa ngữ âm – chữ viết và các nguyên tắc chính tả chi phối việc dạy học chính tả ở tiểu học” là một giải pháp mang tính khoa học và có chiều sâu lí luận, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học chính tả, đặc biệt trong việc khắc phục lỗi sai do ảnh hưởng của phương ngữ ở học sinh lớp 1. Tính mới của giải pháp thể hiện rõ ở cách tiếp cận chính tả từ góc độ ngôn ngữ học. Thay vì dạy chính tả theo lối kinh nghiệm, ghi nhớ máy móc hoặc chỉ dựa vào các quy tắc rời rạc, giải pháp đã đặt việc dạy học trên cơ sở mối quan hệ giữa ngữ âm và chữ viết. Giải pháp đã làm rõ vai trò của phương ngữ trong việc hình thành lỗi chính tả. Thay vì coi lỗi sai của học sinh là ngẫu nhiên hoặc do thiếu cẩn thận, giải pháp chỉ ra rằng phần lớn lỗi chính tả xuất phát từ sự khác biệt giữa cách phát âm địa phương và ngôn ngữ toàn dân. Cách nhìn nhận này mang tính hệ thống và khoa học, giúp giáo viên xác định đúng nguyên nhân của lỗi sai, từ đó có biện pháp sửa lỗi phù hợp. Đây là điểm mới có ý nghĩa thực tiễn cao, đặc biệt trong bối cảnh tiếng Việt có sự phân hóa phương ngữ rõ rệt.

Giải pháp “Nắm vững các nguyên tắc xây dựng hệ thống bài tập chính tả cho học sinh lớp 1” là một giải pháp mang tính định hướng quan trọng trong quá trình đổi mới dạy học Tiếng Việt ở tiểu học. Không chỉ dừng lại ở việc cung cấp bài tập cho học sinh, giải pháp này đã đặt ra một cách tiếp cận khoa học trong việc thiết kế học liệu, góp phần nâng cao chất lượng dạy học chính tả, đặc biệt

trong việc khắc phục lỗi sai phương ngữ. Tính mới của giải pháp thể hiện ở việc chuyển từ cách sử dụng bài tập có sẵn sang chủ động xây dựng hệ thống bài tập dựa trên các nguyên tắc rõ ràng. Việc xác lập một hệ thống nguyên tắc như vậy giúp quá trình xây dựng bài tập trở nên có cơ sở khoa học, tránh tình trạng thiết kế tùy tiện, thiếu nhất quán. Về tính sáng tạo, giải pháp thể hiện ở khả năng kết hợp nhiều yếu tố trong cùng một hệ thống bài tập. Việc xây dựng bài tập dựa trên những lỗi chính tả phổ biến giúp nội dung trở nên gần gũi, thiết thực và có tính ứng dụng cao. Điều này thể hiện sự chuyển đổi từ dạy học mang tính lý thuyết sang dạy học giải quyết vấn đề thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả sửa lỗi chính tả. Một điểm sáng tạo khác là giải pháp đã tạo điều kiện để giáo viên phát huy tính chủ động và linh hoạt trong thiết kế bài tập. Giáo viên có thể điều chỉnh nội dung, hình thức và mức độ bài tập phù hợp với từng đối tượng học sinh, từng lớp học cụ thể. Điều này không chỉ giúp cá thể hóa dạy học mà còn nâng cao năng lực chuyên môn của giáo viên.

Giải pháp “Xây dựng hệ thống bài tập nhằm khắc phục lỗi chính tả phương ngữ trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 1” là một giải pháp có tính thực tiễn cao, trực tiếp giải quyết một trong những khó khăn nổi bật của học sinh tiểu học hiện nay, đó là lỗi chính tả do ảnh hưởng của phương ngữ. Tính mới của giải pháp thể hiện ở việc chuyển từ dạy học chính tả mang tính đại trà sang dạy học theo hướng khắc phục lỗi cụ thể của học sinh. Trong thực tế, các bài tập chính tả trong sách giáo khoa thường mang tính chung, chưa đáp ứng đầy đủ sự đa dạng của phương ngữ ở các vùng miền. Giải pháp này đã tập trung trực tiếp vào các lỗi phổ biến như l/n, ch/tr, s/x, dấu hỏi/ngã, vần dễ lẫn..., từ đó xây dựng hệ thống bài tập nhằm sửa lỗi một cách có trọng tâm. Đây là bước chuyển quan trọng từ dạy học theo nội dung sang dạy học theo nhu cầu thực tế của người học. Về tính sáng tạo, giải pháp thể hiện ở việc kết hợp linh hoạt giữa luyện tập và hình thành quy tắc chính tả. Thông qua các bài tập, học sinh không chỉ thực hành viết mà còn được hướng dẫn rút ra quy tắc, mẹo chính tả một cách tự nhiên. Đối với những trường hợp không có quy tắc rõ ràng, việc luyện tập lặp lại giúp hình thành thói quen viết đúng. Cách tiếp cận này vừa phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh lớp 1, vừa đảm bảo tính bền vững của kiến thức.

Giải pháp “Sửa lỗi chính tả phương ngữ thông qua các phương tiện hiện đại và hình thức tổ chức dạy học phong phú” thể hiện rõ tính đổi mới trong dạy học chính tả ở tiểu học, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới phương pháp giáo dục hiện nay. Điểm nổi bật của giải pháp không chỉ nằm ở việc ứng dụng công nghệ mà còn ở cách kết hợp linh hoạt giữa phương tiện hiện đại với các hình thức tổ chức dạy học đa dạng, hướng tới phát triển năng lực học sinh. Tính đổi mới của giải pháp thể hiện ở việc chuyển từ dạy học truyền thống sang dạy học có ứng dụng công nghệ hiện đại. Nếu như trước đây việc dạy chính tả chủ yếu dựa vào bảng, phấn, vở viết và lời giảng của giáo viên thì giải pháp này đã đưa vào các phương tiện như: video, hình ảnh, phần mềm học tập, trò chơi điện tử, bài giảng trình chiếu... Điều này giúp quá trình dạy học không còn đơn điệu mà trở nên sinh động, trực quan và hấp dẫn hơn. Việc sử dụng công nghệ cũng giúp chuẩn hóa âm thanh, đặc biệt trong luyện phát âm, từ đó góp phần sửa lỗi chính tả phương ngữ một cách hiệu quả hơn. Một điểm đổi mới quan trọng khác là giải pháp đã chuyển từ hình thức dạy học đơn lẻ sang tổ chức các hoạt động học tập phong phú, đa dạng. Thay vì chỉ yêu cầu học sinh nghe – viết hoặc chép bài, giáo viên có thể tổ chức nhiều hình thức như: trò chơi ngôn ngữ, thi đua nhóm, đóng vai, hoạt động trải nghiệm, học qua hình ảnh, học qua video... Điều này phù hợp với đặc điểm tâm lý của học sinh lớp 1, giúp các em “học mà chơi, chơi mà học”, từ đó tăng cường sự tham gia tích cực và nâng cao hiệu quả tiếp thu. Bên cạnh đó, giải pháp còn thể hiện tính đổi mới ở việc kết hợp đa kênh trong quá trình tiếp nhận kiến thức. Học sinh không chỉ học qua nghe và viết mà còn được tiếp cận qua hình ảnh, âm thanh, vận động và tương tác. Sự phối hợp giữa các giác quan giúp việc ghi nhớ trở nên sâu sắc và bền vững hơn, đặc biệt đối với việc phân biệt các âm, vần, dấu thanh dễ nhầm lẫn do phương ngữ. Ngoài ra, giải pháp còn đổi mới ở cách tiếp cận cá thể hóa và phân hóa trong dạy học. Thông qua các phần mềm, trò chơi hoặc hoạt động nhóm, giáo viên có thể giao nhiệm vụ phù hợp với từng đối tượng học sinh, tạo cơ hội cho mọi học sinh đều được tham gia và tiến bộ. Điều này khắc phục hạn chế của cách dạy đồng loạt trước đây, đồng thời phù hợp với định hướng phát triển năng lực trong giáo dục hiện đại. Một điểm đổi mới đáng chú ý nữa là giải pháp đã

gắn việc dạy học chính tả với môi trường học tập hiện đại và thực tiễn. Học sinh không chỉ học trong sách vở mà còn được tiếp cận với các hình thức học tập gần gũi với đời sống công nghệ hiện nay. Điều này góp phần hình thành cho học sinh thói quen học tập tích cực, chủ động và thích ứng với môi trường giáo dục mới. Tóm lại, giải pháp này thể hiện tính đổi mới ở nhiều phương diện: đổi mới phương tiện dạy học, đổi mới hình thức tổ chức, đổi mới cách tiếp cận người học và đổi mới môi trường học tập. Đây là một giải pháp phù hợp với xu hướng phát triển giáo dục hiện nay, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học chính tả và khắc phục lỗi phương ngữ cho học sinh lớp 1 một cách sinh động, hiệu quả và bền vững.

3. Khả năng nhân rộng của sáng kiến

Một sáng kiến giáo dục chỉ thực sự có giá trị khi không chỉ phát huy hiệu quả trong phạm vi một lớp học, một trường học mà còn có khả năng áp dụng rộng rãi trong nhiều môi trường giáo dục khác nhau. Đối với sáng kiến xây dựng hệ thống bài tập nhằm khắc phục lỗi chính tả phương ngữ cho học sinh lớp 1, khả năng nhân rộng là một tiêu chí đặc biệt quan trọng, bởi thực trạng học sinh viết sai chính tả do ảnh hưởng của phương ngữ không phải là hiện tượng cá biệt mà diễn ra khá phổ biến ở nhiều địa phương trên cả nước. Qua phân tích có thể thấy, các giải pháp được đề xuất trong sáng kiến không chỉ có cơ sở lí luận và thực tiễn vững chắc mà còn có tính linh hoạt, dễ vận dụng, phù hợp với điều kiện dạy học ở các trường tiểu học hiện nay. Chính điều đó tạo nên khả năng nhân rộng cao của sáng kiến.

Giải pháp 1: Tìm hiểu và nắm vững chương trình chính tả lớp 1 là giải pháp có tính phổ quát cao nhất và dễ nhân rộng nhất. Đây là giải pháp nền tảng, bởi ở bất cứ trường tiểu học nào, giáo viên cũng đều phải thực hiện nhiệm vụ dạy học trên cơ sở chương trình giáo dục phổ thông hiện hành. Khi giáo viên nắm chắc mục tiêu, nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình chính tả lớp 1, việc tổ chức các hoạt động dạy học sẽ đi đúng hướng, không bị chệch chuẩn, đồng thời tạo điều kiện để xây dựng những biện pháp hỗ trợ học sinh sát với thực tế. Khả năng nhân rộng của giải pháp này rất lớn vì nó không phụ thuộc vào điều kiện cơ sở vật chất, không phụ thuộc vào đặc thù riêng của một địa

phương nào, mà là yêu cầu chung đối với mọi giáo viên tiểu học. Hơn nữa, đây còn là giải pháp dễ triển khai thông qua các hình thức sinh hoạt chuyên môn, tập huấn chuyên đề, hội thảo tổ khối. Chỉ cần giáo viên có ý thức nghiên cứu chương trình một cách sâu sắc và có định hướng vận dụng linh hoạt, giải pháp này hoàn toàn có thể được áp dụng rộng rãi trong tất cả các trường tiểu học. Có thể nói, chính tính chuẩn hóa và tính thống nhất với chương trình quốc gia là cơ sở đầu tiên bảo đảm khả năng nhân rộng của sáng kiến.

Giải pháp 2: Tìm hiểu và nắm vững đặc điểm tâm sinh lí của học sinh Tiểu học cũng là một giải pháp có khả năng lan tỏa rộng và bền vững. Học sinh lớp 1 ở mọi miền đất nước tuy có sự khác nhau về hoàn cảnh sống, điều kiện gia đình hay môi trường ngôn ngữ, nhưng đều có những đặc điểm chung về mặt tâm sinh lí như: tư duy còn mang tính trực quan, khả năng chú ý chưa bền, vốn sống còn hạn chế, thích hoạt động, thích được khen ngợi và dễ bị ảnh hưởng bởi cảm xúc. Khi giáo viên hiểu rõ những đặc điểm ấy, họ sẽ có cơ sở để lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp hơn. Khả năng nhân rộng của giải pháp này nằm ở chỗ đây không phải là biện pháp chỉ dành riêng cho việc dạy chính tả mà có thể vận dụng trong toàn bộ hoạt động giáo dục ở tiểu học. Tuy nhiên, đối với sáng kiến này, việc hiểu tâm sinh lí học sinh còn có ý nghĩa đặc biệt vì nó giúp giáo viên nhận ra rằng sửa lỗi chính tả cho học sinh lớp 1 không thể chỉ thực hiện bằng cách yêu cầu viết lại nhiều lần, mà cần thông qua các hoạt động hấp dẫn, nhẹ nhàng, trực quan và mang tính động viên. Chính tính phù hợp với quy luật phát triển của trẻ em đã làm cho giải pháp này có thể áp dụng ở nhiều trường học, nhiều đối tượng giáo viên, kể cả ở những nơi điều kiện dạy học còn hạn chế. Một giáo viên ở vùng sâu, vùng xa vẫn có thể nhân rộng giải pháp này bằng việc tổ chức trò chơi ngôn ngữ, dùng tranh ảnh đơn giản, dùng lời khen tích cực và tạo môi trường học tập thân thiện cho học sinh.

Giải pháp 3: Nắm vững quan hệ giữa ngữ âm – chữ viết và các nguyên tắc chính tả chi phối việc dạy học chính tả ở tiểu học, khả năng nhân rộng thể hiện ở chiều sâu chuyên môn và giá trị ứng dụng thực tiễn của nó. Ở hầu hết các trường tiểu học, giáo viên đều gặp khó khăn khi học sinh viết sai chính tả do ảnh hưởng từ phát âm địa phương. Nếu không hiểu rõ mối quan hệ

giữa âm và chữ, giữa ngôn ngữ toàn dân và tiếng địa phương, giáo viên rất dễ rơi vào cách sửa lỗi hình thức, thiếu hiệu quả lâu dài. Giải pháp này giúp giáo viên xác định đúng bản chất của lỗi, từ đó lựa chọn cách tác động phù hợp. Điểm đáng chú ý là mặc dù phương ngữ ở mỗi vùng có những biểu hiện khác nhau, nhưng nguyên lí chung của giải pháp vẫn giữ nguyên giá trị. Chẳng hạn, giáo viên miền Bắc có thể tập trung vào lỗi l/n, ch/tr, s/x; giáo viên miền Trung có thể chú ý nhiều hơn đến lỗi hỏi/ngã; giáo viên miền Nam có thể chú trọng đến v/d/gi hoặc âm cuối n/ng. Như vậy, giải pháp này vừa có tính thống nhất về nguyên tắc, vừa có khả năng thích ứng linh hoạt với đặc điểm từng vùng miền. Đó chính là cơ sở quan trọng chứng minh rằng sáng kiến có thể được áp dụng rộng rãi trong nhiều trường tiểu học khác nhau.

Giải pháp 4: Năm vững các nguyên tắc xây dựng hệ thống bài tập chính tả cho học sinh lớp 1 là giải pháp có khả năng nhân rộng rất cao vì nó cung cấp cho giáo viên một “khung thiết kế” có thể sử dụng trong nhiều hoàn cảnh khác nhau. Việc xây dựng bài tập dựa trên các nguyên tắc như bám sát yêu cầu cần đạt của chương trình, đảm bảo tính vừa sức, tính giáo dục và tính thực tiễn giúp cho hệ thống bài tập không bị rơi vào tình trạng ngẫu hứng, rời rạc hay quá tải đối với học sinh. Điểm mạnh của giải pháp này là không áp đặt một hệ thống bài tập cố định, mà trao cho giáo viên quyền chủ động thiết kế, điều chỉnh và phát triển bài tập cho phù hợp với lớp học cụ thể của mình. Chính tính mở ấy làm tăng khả năng nhân rộng của sáng kiến. Ở một trường có điều kiện tốt, giáo viên có thể làm bài tập dưới dạng thẻ từ, tranh ảnh, trò chơi tương tác. Ở một trường còn khó khăn, giáo viên vẫn có thể nhân rộng bằng cách sử dụng bảng phụ, phiếu học tập hoặc các bài tập đơn giản viết tay. Hơn nữa, khi nguyên tắc đã rõ ràng, giáo viên ở các trường khác nhau đều có thể học tập và vận dụng mà không cần phụ thuộc hoàn toàn vào người xây dựng sáng kiến. Nói cách khác, giải pháp này không chỉ có khả năng nhân rộng mà còn có khả năng phát triển tiếp theo chiều sâu chuyên môn ở từng đơn vị trường học.

Giải pháp 5: Xây dựng hệ thống bài tập nhằm khắc phục lỗi chính tả phương ngữ trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 1 là giải pháp trực tiếp nhất, cụ thể nhất và cũng có tính ứng dụng rộng rãi nhất của toàn bộ sáng kiến. Khả

năng nhân rộng của giải pháp này trước hết nằm ở chỗ nó giải quyết đúng một vấn đề thực tiễn mà nhiều trường tiểu học đang gặp phải. Lỗi chính tả phương ngữ là hiện tượng phổ biến trên phạm vi cả nước, do đó một hệ thống bài tập hướng đến sửa những lỗi này đương nhiên có tính cần thiết và có nhu cầu sử dụng cao. Điểm quan trọng hơn là hệ thống bài tập được xây dựng theo hướng phong phú, đa dạng về hình thức, có thể lựa chọn theo từng nhóm lỗi, từng vùng phương ngữ, từng mức độ nhận thức của học sinh. Điều đó cho phép giáo viên ở các trường khác nhau không cần sao chép nguyên xi mà có thể chọn lọc, điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với đối tượng học sinh của mình. Đây là biểu hiện rất rõ của tính nhân rộng. Một giải pháp chỉ thực sự nhân rộng được khi nó vừa có khung chung đủ ổn định, vừa có độ mở đủ linh hoạt. Giải pháp này đáp ứng cả hai yêu cầu đó. Ngoài ra, hệ thống bài tập không đòi hỏi thiết bị đắt tiền hay phần mềm chuyên biệt; chủ yếu dựa vào năng lực sư phạm của giáo viên và các phương tiện dạy học thông thường. Do đó, từ trường ở khu vực thuận lợi đến trường vùng khó, từ lớp học đông học sinh đến lớp học có quy mô nhỏ, đều có thể áp dụng được ở các mức độ khác nhau.

Từ việc phân tích từng giải pháp, có thể thấy sáng kiến này có khả năng nhân rộng cao trong các trường tiểu học vì nhiều lí do: các giải pháp bám sát chương trình giáo dục phổ thông; phù hợp với đặc điểm phát triển chung của học sinh lớp 1; xuất phát từ thực tiễn lỗi chính tả phổ biến; có cơ sở khoa học rõ ràng; đồng thời linh hoạt, dễ điều chỉnh theo điều kiện vùng miền và điều kiện dạy học cụ thể. Không những thế, các giải pháp còn bổ trợ cho nhau, tạo thành một hệ thống thống nhất từ nhận thức chương trình, hiểu đối tượng, nắm bản chất ngôn ngữ, xây dựng nguyên tắc thiết kế đến triển khai bài tập cụ thể. Chính tính hệ thống ấy càng làm tăng khả năng nhân rộng, bởi khi áp dụng ở một trường học khác, giáo viên không chỉ tiếp nhận một vài biện pháp rời rạc mà có thể vận dụng cả một quy trình tương đối hoàn chỉnh.

Như vậy, có thể khẳng định rằng sáng kiến không chỉ có giá trị trong phạm vi lớp học thực nghiệm mà còn có thể triển khai hiệu quả ở nhiều trường tiểu học khác nhau. Nếu được phổ biến thông qua chuyên đề, sinh hoạt tổ chuyên môn, hội giảng hoặc tài liệu hướng dẫn, các giải pháp trong sáng kiến

hoàn toàn có thể trở thành tài liệu tham khảo hữu ích cho giáo viên tiểu học trong quá trình dạy học chính tả, đặc biệt là trong việc khắc phục lỗi chính tả phương ngữ cho học sinh lớp 1. Đây chính là minh chứng rõ ràng cho khả năng nhân rộng và giá trị thực tiễn bền vững của sáng kiến.

Giải pháp 6: Sửa lỗi chính tả phương ngữ thông qua các phương tiện hiện đại và hình thức tổ chức dạy học phong phú là một giải pháp có tính ứng dụng cao, phù hợp với xu hướng đổi mới giáo dục hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số trong dạy học. Không chỉ mang lại hiệu quả trong phạm vi lớp học, giải pháp này còn có khả năng nhân rộng trong nhiều trường tiểu học với những điều kiện khác nhau. Giải pháp có khả năng nhân rộng vì phù hợp với định hướng chung của ngành giáo dục về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Hiện nay, việc sử dụng các phương tiện hiện đại như máy chiếu, bài giảng điện tử, video, phần mềm học tập... đã và đang được triển khai rộng rãi trong các trường tiểu học. Do đó, việc tích hợp các công cụ này vào dạy học chính tả không chỉ khả thi mà còn dễ dàng được tiếp nhận và áp dụng. Giáo viên ở nhiều trường có thể tận dụng các nguồn tài nguyên sẵn có hoặc chia sẻ học liệu với nhau để triển khai hiệu quả giải pháp. Bên cạnh đó, giải pháp này không phụ thuộc hoàn toàn vào thiết bị công nghệ cao, mà có thể linh hoạt điều chỉnh theo điều kiện thực tế của từng trường. Ở những nơi có đầy đủ cơ sở vật chất, giáo viên có thể sử dụng các phần mềm, video, trò chơi trực tuyến để tổ chức dạy học. Trong khi đó, ở những trường còn hạn chế về thiết bị, giáo viên vẫn có thể áp dụng bằng các hình thức đơn giản hơn như: tranh ảnh in, thẻ chữ, trò chơi trực tiếp, đóng vai... Nhờ tính linh hoạt này, giải pháp có thể triển khai ở cả khu vực thành thị, nông thôn và vùng khó khăn. Điều này góp phần đảm bảo hiệu quả khi nhân rộng giải pháp. Một điểm thuận lợi nữa là giải pháp có thể được nhân rộng thông qua các hình thức sinh hoạt chuyên môn và chia sẻ kinh nghiệm. Giáo viên có thể: trao đổi bài giảng điện tử, chia sẻ trò chơi học tập, thống nhất cách sửa lỗi chính tả trong tổ chuyên môn. Điều này giúp việc nhân rộng không chỉ dừng ở một cá nhân mà có thể lan tỏa trong toàn trường, toàn cụm chuyên môn hoặc rộng hơn. Nhìn chung, với tính linh hoạt, phù hợp thực tiễn và dễ triển khai, Giải pháp này hoàn toàn có khả năng nhân rộng trong các

trường tiểu học. Nếu được tổ chức thực hiện đồng bộ và có sự hỗ trợ phù hợp, giải pháp này sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy học chính tả và khắc phục hiệu quả lỗi phương ngữ cho học sinh lớp 1 trên diện rộng.

4. Hiệu quả áp dụng, lợi ích thu được từ sáng kiến

Năm học 2025 – 2026 tôi đã áp dụng các giải pháp trên trong việc khắc phục lỗi chính tả phương ngữ trong dạy học môn Tiếng Việt. Chất lượng học tập tiên bộ rõ rệt:

Số lượng HS	Thời gian	Lỗi sai âm đầu		Lỗi sai âm, vần		Lỗi sai dấu thanh	
		SL	%	SL	%	SL	%
117HS	Tháng 9	98	83,7%	57	48,7%	21	17,9%
	Tháng 4	26	22,2%	12	10,3%	6	5,1%

Qua quá trình nghiên cứu và thực hiện một số giải pháp nhằm khắc phục lỗi chính tả phương ngữ trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 1 cho thấy học sinh mạnh dạn, tự tin hơn trong giao tiếp cũng như khi thực hiện các nhiệm vụ học tập chính tả. Tỷ lệ học sinh viết đúng chính tả ở các lớp tôi áp dụng các biện pháp trên cao hơn hẳn so với lớp áp dụng các phương pháp giảng dạy truyền thống. Hiện tượng học sinh viết sai chính tả đã giảm nhiều so với đầu năm. Các em đã mạnh dạn hơn hẳn so với đầu năm.

Học sinh rất hứng thú khi học chính tả, lớp học rất sôi động, học sinh tích cực, chủ động, mạnh dạn, tự tin hơn, phát huy được khả năng sáng tạo của mình. Đầu năm học, một số em có thái độ sợ sệt, nhút nhát, sợ nói sai, sợ viết sai nhưng sau quá trình được hình thành và bồi dưỡng kỹ năng phân biệt, nhận dạng các cách phát âm đúng, viết đúng thì các em đã có sự tiến bộ rõ rệt, đã tự tin hơn khi giao tiếp, hăng hái phát biểu xây dựng bài, đã mạnh dạn bày tỏ ý kiến của mình trước lớp, biết cách ứng xử các tình huống giao tiếp một cách nhanh nhạy.

- **Hiệu quả khoa học:** sáng kiến đã chứng minh được tính đúng đắn và tính khả thi của hệ thống giải pháp được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa chương trình, đặc điểm tâm sinh lí học sinh và bản chất ngôn ngữ học của tiếng

Việt. Kết quả khảo sát trên 117 học sinh cho thấy tỉ lệ lỗi chính tả giảm mạnh qua thời gian. Đây là những con số có ý nghĩa khoa học rõ rệt, phản ánh quá trình tác động có hệ thống, đúng trọng tâm và bền vững, đặc biệt ở nhóm lỗi âm đầu – vốn là dạng lỗi phức tạp và chịu ảnh hưởng sâu sắc của phương ngữ. Sự cải thiện này không chỉ dừng lại ở việc giảm lỗi mà còn cho thấy học sinh đã có khả năng nhận diện, phân biệt và vận dụng các quy tắc chính tả trong thực hành, từ đó hình thành năng lực ngôn ngữ một cách vững chắc. Bên cạnh đó, việc tổ chức dạy học theo hướng tích cực, kết hợp nhiều hình thức như trò chơi, hoạt động nhóm, bài tập trực quan và ứng dụng công nghệ đã giúp chuyển đổi phương pháp dạy học từ truyền thụ một chiều sang phát triển năng lực, phù hợp với định hướng giáo dục hiện đại. Điều này khẳng định rằng sáng kiến không chỉ có giá trị thực tiễn mà còn có cơ sở khoa học vững chắc, góp phần nâng cao chất lượng dạy học chính tả trong nhà trường tiểu học.

- Hiệu quả kinh tế: sáng kiến thể hiện rõ tính tiết kiệm, hiệu quả và khả thi trong điều kiện thực tế của các trường tiểu học hiện nay. Các giải pháp được triển khai không đòi hỏi đầu tư lớn về cơ sở vật chất hay trang thiết bị hiện đại mà chủ yếu dựa vào việc khai thác tối đa năng lực chuyên môn của giáo viên và tận dụng các nguồn học liệu sẵn có. Giáo viên có thể tự thiết kế hệ thống bài tập, sử dụng các phương tiện đơn giản như bảng phụ, tranh ảnh, phiếu học tập hoặc kết hợp với các công cụ công nghệ phổ biến, dễ tiếp cận. Nhờ đó, chi phí triển khai sáng kiến thấp nhưng hiệu quả mang lại lại cao, thể hiện rõ tính kinh tế trong giáo dục. Mặt khác, việc giáo viên chủ động xây dựng và chia sẻ học liệu trong tổ chuyên môn cũng góp phần tiết kiệm nguồn lực chung của nhà trường. Có thể thấy, sáng kiến không chỉ mang lại hiệu quả về mặt chuyên môn mà còn tạo ra giá trị kinh tế thiết thực, phù hợp với điều kiện triển khai rộng rãi.

- Hiệu quả xã hội: sáng kiến đã góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, chuẩn hóa ngôn ngữ và tăng cường mối liên kết giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Việc học sinh viết đúng chính tả, phát âm chuẩn không chỉ giúp nâng cao kết quả học tập mà còn góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt – một giá trị văn hóa quan trọng của dân tộc. Bên cạnh đó, sự tiến bộ rõ rệt của học sinh đã tạo niềm tin cho phụ huynh đối với nhà trường và giáo

viên, từ đó thúc đẩy sự phối hợp tích cực trong giáo dục. Học sinh trở nên tự tin hơn, mạnh dạn hơn trong giao tiếp, biết trình bày ý kiến và tham gia các hoạt động tập thể, điều này góp phần hình thành những phẩm chất và năng lực cần thiết cho sự phát triển lâu dài. Không chỉ dừng lại ở phạm vi một lớp học, sáng kiến còn có khả năng lan tỏa trong môi trường giáo dục, khi giáo viên có thể chia sẻ kinh nghiệm, áp dụng và điều chỉnh các giải pháp phù hợp với điều kiện của từng trường, từng địa phương. Chính sự linh hoạt và tính thực tiễn cao đã tạo điều kiện để sáng kiến trở thành một mô hình có thể nhân rộng, góp phần đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học trên diện rộng.

Tóm lại, việc áp dụng sáng kiến đã mang lại hiệu quả toàn diện, không chỉ về mặt khoa học mà còn về mặt kinh tế và xã hội. Sáng kiến đã chứng minh được rằng khi giáo viên có sự đầu tư nghiên cứu, áp dụng các giải pháp một cách hệ thống, phù hợp với đặc điểm học sinh và thực tiễn dạy học, thì hoàn toàn có thể nâng cao chất lượng giáo dục một cách bền vững. Đây là cơ sở quan trọng để khẳng định giá trị của sáng kiến cũng như khả năng áp dụng rộng rãi trong các trường tiểu học hiện nay.

D. PHẦN KẾT LUẬN

Môn Tiếng Việt giữ vai trò trọng yếu trong chương trình giáo dục Tiểu học, góp phần hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh. Trong đó, chính tả đảm nhận nhiệm vụ rèn luyện cho học sinh kỹ năng viết đúng, góp phần quan trọng vào việc sử dụng chuẩn mực tiếng Việt trong học tập và giao tiếp. Xuất phát từ thực tiễn giảng dạy và yêu cầu nâng cao chất lượng phân môn này, đề tài đã xây dựng hệ thống bài tập nhằm khắc phục lỗi chính tả phương ngữ trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 1 đạt hiệu quả cao hơn.

Trong quá trình nghiên cứu, đề tài đã làm rõ một số cơ sở lý luận quan trọng, bao gồm các khái niệm liên quan đến chính tả, chính tả âm/vần, đặc điểm ngôn ngữ và tâm – sinh lý lứa tuổi học sinh lớp 1. Đồng thời, đề tài cũng khảo sát thực trạng giảng dạy chính tả âm/vần tại một số trường tiểu học khu vực phía Bắc, từ đó nhận diện những lỗi chính tả thường gặp ở học sinh cũng như những khó khăn, hạn chế trong quá trình giảng dạy.

Dựa trên kết quả khảo sát và nền tảng lý luận, đề tài đã xác lập bốn nguyên tắc xây dựng bài tập chính tả gồm: đảm bảo mục tiêu chương trình lớp 1, đảm bảo tính vừa sức, đảm bảo tính giáo dục và tính thực tiễn. Trên cơ sở đó, hệ thống bài tập được xây dựng gồm ba nhóm chính: bài tập khắc phục lỗi âm đầu, bài tập khắc phục lỗi về vần, và bài tập khắc phục lỗi dấu thanh. Đồng thời, đề tài cũng đề xuất hướng dẫn sử dụng hệ thống bài tập này một cách linh hoạt và phù hợp với thực tế giảng dạy, giúp giáo viên dễ dàng tham khảo và áp dụng hiệu quả.

Việc xây dựng và triển khai hệ thống bài tập chính tả nhằm sửa lỗi chính tả do ảnh hưởng của phương ngữ cho học sinh lớp 1 đã mang lại những hiệu quả rõ rệt trên nhiều phương diện: đối với học sinh, giáo viên, phụ huynh cũng như chất lượng dạy học môn Tiếng Việt nói chung. Những kết quả đạt được không chỉ thể hiện ở sự tiến bộ về kỹ năng viết đúng chính tả mà còn góp phần hình thành năng lực ngôn ngữ và phát triển toàn diện cho học sinh.

Sau khi áp dụng hệ thống bài tập được thiết kế theo hướng phù hợp với đặc điểm phương ngữ của địa phương, học sinh đã có sự tiến bộ rõ rệt trong việc viết đúng chính tả. Các lỗi sai phổ biến đã giảm đáng kể cả về số lượng và tần

suất. Học sinh không chỉ viết đúng trong các bài tập quen thuộc mà còn có khả năng vận dụng vào các bài viết mới. Đặc biệt, các em dần hình thành được thói quen kiểm tra lại bài viết, biết phát hiện và tự sửa lỗi – đây là một biểu hiện quan trọng của năng lực tự học.

Một trong những hiệu quả nổi bật của sáng kiến là giúp học sinh từng bước điều chỉnh ảnh hưởng của phương ngữ trong quá trình học tập. Thông qua các bài tập so sánh, đối chiếu và luyện tập có hệ thống, học sinh nhận thức được sự khác biệt giữa phát âm địa phương và chuẩn chính tả tiếng Việt. Từ đó học sinh biết “nghe – nói – viết” theo chuẩn hơn, giảm dần thói quen “nghe sao viết vậy” và hình thành ý thức sử dụng ngôn ngữ phù hợp trong môi trường học tập. Đây là nền tảng quan trọng để các em phát triển năng lực ngôn ngữ lâu dài.

Hệ thống bài tập được thiết kế không chỉ nhằm mục tiêu luyện viết mà còn hướng tới phát triển tư duy cho học sinh. Thông qua các dạng bài tập đa dạng như: so sánh – phân biệt, lựa chọn từ đúng, sửa lỗi sai, trò chơi ngôn ngữ học sinh được rèn luyện các thao tác tư duy như phân tích, nhận xét, khái quát và vận dụng. Nhờ đó học sinh hiểu sâu hơn về ngôn ngữ, biết vận dụng kiến thức vào thực tế, tăng khả năng ghi nhớ và phản xạ chính tả. Việc đưa vào các hình thức bài tập phong phú, sinh động đã tạo được sự hứng thú cho học sinh. Các em tham gia tích cực hơn trong giờ học, không còn cảm thấy áp lực hay nhàm chán khi học chính tả. Nhiều học sinh mạnh dạn phát biểu, chủ động tham gia hoạt động nhóm, tích cực luyện tập ngoài giờ học. Điều này góp phần hình thành thái độ học tập tích cực và yêu thích môn Tiếng Việt. Học sinh là chủ thể của hoạt động học tập, do đó cần rèn luyện ý thức tự giác và thái độ học tập nghiêm túc. Trong các tiết học trên lớp, học sinh cần tập trung lắng nghe, chủ động tiếp thu kiến thức, tích cực tham gia vào các hoạt động học. Đồng thời, cần duy trì thói quen tự học tại nhà, thường xuyên ôn tập, sưu tầm và thực hành thêm các dạng bài tập chính tả để củng cố kiến thức. Việc dành thời gian hợp lý cho phân môn Chính tả sẽ giúp học sinh nâng cao kỹ năng viết đúng và hạn chế dần các lỗi sai trong quá trình học tập.

Quá trình xây dựng và áp dụng hệ thống bài tập giúp giáo viên: nắm vững đặc điểm lỗi chính tả phương ngữ của học sinh, biết cách phân loại lỗi và xác

định nguyên nhân, chủ động thiết kế bài tập phù hợp. Từ đó, giáo viên không còn dạy học theo cách chung chung mà có định hướng rõ ràng, sát với thực tế lớp học. Nhờ có hệ thống bài tập cụ thể, rõ ràng, giáo viên tiết kiệm thời gian chuẩn bị bài, tổ chức tiết học logic, hiệu quả hơn và dễ dàng kiểm tra, đánh giá mức độ tiến bộ. Chất lượng giờ dạy được nâng cao, học sinh tiếp thu bài tốt hơn. Giáo viên giữ vai trò trung tâm trong quá trình tổ chức và triển khai các hoạt động học tập cho học sinh. Vì vậy, cần phát huy tính chủ động, linh hoạt và sáng tạo trong việc sử dụng hệ thống bài tập chính tả, đảm bảo phù hợp với đặc điểm đối tượng học sinh cụ thể. Giáo viên nên đầu tư thời gian để xây dựng thêm nhiều dạng bài tập phong phú, dựa trên thực tế các lỗi chính tả mà học sinh thường mắc phải, nhằm tăng tính hấp dẫn và khơi gợi hứng thú học tập. Ngoài ra, giáo viên cần thực hiện tốt công tác chấm bài, thường xuyên nhận diện và chỉ rõ các lỗi sai của học sinh, đồng thời hướng dẫn cách sửa lỗi hiệu quả. Việc kết hợp hình thức khen thưởng, động viên kịp thời cũng là một biện pháp hữu hiệu nhằm khuyến khích tinh thần học tập tích cực và chủ động ở học sinh. Để nâng cao chất lượng dạy và học Chính tả, nhà trường cần quan tâm hơn đến việc tăng cường cơ sở vật chất và hỗ trợ chuyên môn cho giáo viên. Cụ thể, cần đầu tư bổ sung các loại sách, tài liệu tham khảo liên quan đến dạy học chính tả trong thư viện, tạo điều kiện cho giáo viên và học sinh tiếp cận và khai thác phục vụ hoạt động dạy học. Bên cạnh đó, nhà trường nên khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi để giáo viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, xây dựng các sáng kiến kinh nghiệm gắn với thực tiễn giảng dạy nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy học Chính tả.

Thông qua việc trao đổi về lỗi chính tả và cách khắc phục giúp phụ huynh nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của chính tả, biết cách hỗ trợ con học tập tại nhà, quan tâm hơn đến việc phát âm và sử dụng ngôn ngữ của con. Sự phối hợp này góp phần tạo môi trường học tập thống nhất giữa nhà trường và gia đình. Việc sửa lỗi chính tả không chỉ diễn ra trong lớp học mà còn lan tỏa ra môi trường xung quanh. Học sinh dần sử dụng tiếng Việt chuẩn hơn trong giao tiếp, góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

Sáng kiến xây dựng hệ thống bài tập chính tả nhằm sửa lỗi phương ngữ cho học sinh lớp 1 đã mang lại hiệu quả thiết thực và toàn diện. Không chỉ giúp học sinh viết đúng chính tả, sáng kiến còn góp phần phát triển tư duy, hình thành năng lực ngôn ngữ và tạo hứng thú học tập. Với những nội dung đã thực hiện, chúng tôi hy vọng đóng góp của đề tài sẽ hỗ trợ phần nào trong việc nâng cao chất lượng dạy học phân môn Chính tả nói riêng và môn Tiếng Việt nói chung ở cấp Tiểu học. Mặc dù đã nỗ lực hoàn thiện, nhưng do giới hạn về thời gian và năng lực, đề tài khó tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý chân thành từ các cấp lãnh đạo, ban giám hiệu, tổ chuyên môn và các bạn đồng nghiệp để công trình nghiên cứu này được hoàn chỉnh và có tính ứng dụng cao hơn trong thực tiễn giảng dạy.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

IV. CAM KẾT KHÔNG SAO CHÉP, VI PHẠM BẢN QUYỀN

Tôi cam kết không sao chép hoặc vi phạm bản quyền

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN/ ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

TÁC GIẢ SÁNG KIẾN

(Ký tên)

Nguyễn Thị Kim Dung

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê A, & Đỗ Xuân Thảo. (2005). Giáo trình Tiếng Việt 1. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
2. Lê A, Phan Phương Dung, & Đặng Kim Anh. (2010). Giáo trình Tiếng Việt 3. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
3. Vũ Thị Ân, (2018), Mở rộng vốn từ và dạy học nghĩa cho học sinh tiểu học. Tạp chí Khoa học Giáo dục, (98), 34-38.
4. Đỗ Hữu Châu, (2005), Từ vựng ngữ nghĩa Tiếng Việt. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Tiếng Việt. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2020), Sách giáo khoa Tiếng Việt 1 – Bộ sách Cánh Diều. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2020), Sách giáo khoa Tiếng Việt 1 – Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2020), Sách giáo khoa Tiếng Việt 1 – Bộ sách Chân trời sáng tạo. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
11. Lê Phương Nga. (2018). Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học II. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
12. Lê Phương Nga, (2019), Tiếng Việt nâng cao lớp 2. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
13. Lê Phương Nga, (2018), Vở bài tập nâng cao từ và câu - Lớp 2. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.